

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 7.04

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2015



SÔNG ĐÀ 7.04

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5500296523 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp 26/12/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 26 tháng 02 năm 2016)

Sơn La, tháng 04 năm 2016

MỤC LỤC

	<i>Trang số</i>
I. TÌNH HÌNH ĐẶC ĐIỂM CHUNG CÔNG TY CP SÔNG ĐÀ 7.04	03
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	03
2. Cơ cấu tổ chức, nhân sự	05
3. Bộ máy quản lý.....	07
4. Cơ cấu lao động.....	12
5. Định hướng phát triển	15
6. Các nhân tố rủi ro	15
II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	18
A. Tình hình hoạt động SXKD và kết quả thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2015.....	18
1. Đánh giá chung tình hình hoạt động SXKD	18
2. Các chỉ tiêu kinh tế, tài chính chủ yếu năm 2015.....	19
3. Tình hình thi công tại các công trình	19
B. Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2015.....	20
1. Đánh giá công tác quản lý Công ty.....	20
2. Hoạt động của Hội đồng quản trị	21
III. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC.....	22
1. Tình hình hoạt động SXKD.....	22
2. Các chỉ tiêu tài chính	22
IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH	23
V. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ THÀNH VIÊN QUẢN TRỊ CÔNG TY	53

I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CHUNG CÔNG TY CP SÔNG ĐÀ 7.04

1. TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HÌNH HÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Giới thiệu chung

Tên công ty	:	CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 7.04
Tên Tiếng Anh	:	Song Da 7.04 Joint Stock Company
Tên viết tắt tiếng Anh	:	SONGDA 7.04.,JSC
Trụ sở chính	:	Thị trấn Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La
Điện thoại	:	(0420) 236 699
Website	:	songda704.com.vn
Email	:	songda704@gmail.com
Tài khoản số	:	4131 000000 0285 tại Phòng giao dịch Mường La – Chi nhánh Ngân hàng đầu tư và phát triển tỉnh Sơn La
Giấy CNDKKD	:	Số 5500296523 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp ngày 26/12/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 26/02/2016
Mã số thuế	:	5500296523
Vốn điều lệ	:	60.000.000.000 (Sáu mươi mươi tỷ) đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:	:	145.179.784.213 (Một trăm bốn mươi năm tỷ, một trăm bảy mươi

chín triệu, bảy trăm tám mươi tư nghìn, hai trăm mười ba đồng./)

Mã cổ phiếu : S74

Lĩnh vực hoạt động chính:

- Xây dựng các công trình công nghiệp;
- Xây dựng công trình dân dụng;
- Xây dựng công trình thủy lợi;
- Xây dựng công trình giao thông;
- Xây dựng công trình thủy điện, bưu điện;
- Khai thác, sản xuất các loại vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản với quyền chủ sở hữu, hoặc đi thuê;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phương tiện vận tải cơ giới, phụ tùng cơ giới phục vụ thi công xây dựng, vận tải hàng hóa đường bộ;
- Kinh doanh xây dựng các khu đô thị, nhà cao tầng, khu công nghiệp;
- Đầu tư tài chính và đầu tư các dự án khác mà pháp luật cho phép;
- Đầu tư, quản lý vận hành nhà máy thủy điện vừa và nhỏ;
- Kinh doanh bán điện;
- Sản xuất và kinh doanh kim khí, các sản phẩm về cơ khí;
- Kinh doanh dịch vụ nhà hàng;
- Kinh doanh dịch vụ khác sạn;
- Kinh doanh khu vui chơi giải trí.

Địa bàn kinh doanh: Công ty hoạt động kinh doanh chủ yếu tại địa bàn Hà Nội, Hòa Bình và các tỉnh phía bắc.

Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04 tiền thân là Xí nghiệp Sông Đà 7.04 và Xí nghiệp Sông Đà 7.06 trực thuộc Công ty Cổ phần Sông Đà 7.

Năm 2003

Xí nghiệp Sông Đà 7.04 và Xí nghiệp Sông Đà 7.06 được thành lập và được giao nhiệm vụ sản xuất bê tông thương phẩm và sản xuất các loại đá dăm phục vụ thi công công trình thủy điện Tuyên Quang.

Trong thời gian từ năm 2003 đến năm 2006 đơn vị đã được đầu tư 01 trạm trộn bê tông công suất 120 m³/h, 02 trạm nghiền công suất 100.000 m³/năm; 250.000 m³/năm cùng nhiều xe máy thiết bị phục vụ khác và đơn vị đã vận hành sản xuất đáp ứng đầy đủ lượng cát, đá dăm và vữa bê tông thương phẩm theo yêu cầu tiến độ công trường đặt ra đảm bảo cho công trình thủy điện Tuyên Quang đi vào phát điện theo đúng kế hoạch mà chính phủ đề ra.

Với kinh nghiệm và uy tín đã có được khi tham gia phục vụ công tác cung cấp vật liệu cho công trình thủy điện Tuyên Quang, Xí nghiệp Sông Đà 7.04 và Xí nghiệp Sông Đà 7.06 tiếp tục được giao nhiệm vụ sản xuất vữa bê tông thương phẩm và sản xuất cát, đá dăm các loại để phục vụ thi công công trình thủy điện Sơn La.

Năm 2006

Tháng 07/2006, thực hiện chủ trương nâng cao năng lực sản xuất, tập trung sắp xếp lại cơ cấu ngành nghề trong doanh nghiệp, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 7 quyết định sáp nhập hai đơn vị Xí nghiệp Sông Đà 7.04 và Xí nghiệp Sông Đà 7.06 và lấy tên là Xí nghiệp Sông Đà 70.4.

Để đáp ứng nhiệm vụ mới được giao, Xí nghiệp Sông Đà 7.04 tiếp tục được đầu tư mới thêm 02 trạm nghiền có công suất 350.000 m³/năm, 650.000 m³/năm đồng thời cải tạo 02 dây chuyền cũ sản xuất sản phẩm mới là cát xay để phục vụ công tác thi công bê tông đầm lăn tại thủy điện Sơn La và đầu tư thêm 01 trạm trộn bê tông công suất 130 m³/h.

Năm 2007

Ngày 21 tháng 12 năm 2007, Công ty tiến hành Đại hội đồng cổ đông thành lập với tổng số vốn điều lệ là 40.000.000.000, tương ứng với 4.000.000 cổ phần.

Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04 chính thức đi vào hoạt động ngày 26 tháng 12 năm 2007 với mức vốn điều lệ là 40 tỷ đồng, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5500296523 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp.

2. CƠ CẤU TỔ CHỨC, NHÂN SỰ CÔNG TY CP SÔNG ĐÀ 7.04

Cơ cấu tổ chức của Công ty được chia bao gồm:

- Cơ quan Công ty;
- Các chi nhánh trực thuộc Công ty;

Cơ quan Công ty:

Cơ quan Công ty bao gồm hai khối: Khối phòng ban chức năng và khối các phân xưởng, đội sản xuất trực thuộc Công ty. Hai khối này thực hiện các chức năng và nhiệm vụ cụ thể dưới sự điều hành của

Tổng giám đốc và các Phó tổng giám đốc phụ trách. Thành phần của hai khối cụ thể như sau:

Khối các phòng chức năng:

- Phòng tổ chức hành chính;
- Phòng thiết bị - kỹ thuật;
- Phòng Kinh tế Tổng hợp;
- Phòng tài chính kế toán.

Khối các phân xưởng, đội trực thuộc:

- Các phân xưởng Sản xuất bê tông;
- Các phân xưởng nghiền sàng;
- Đội xây lắp tổng hợp số 1;
- Đội xe thi công cơ giới;

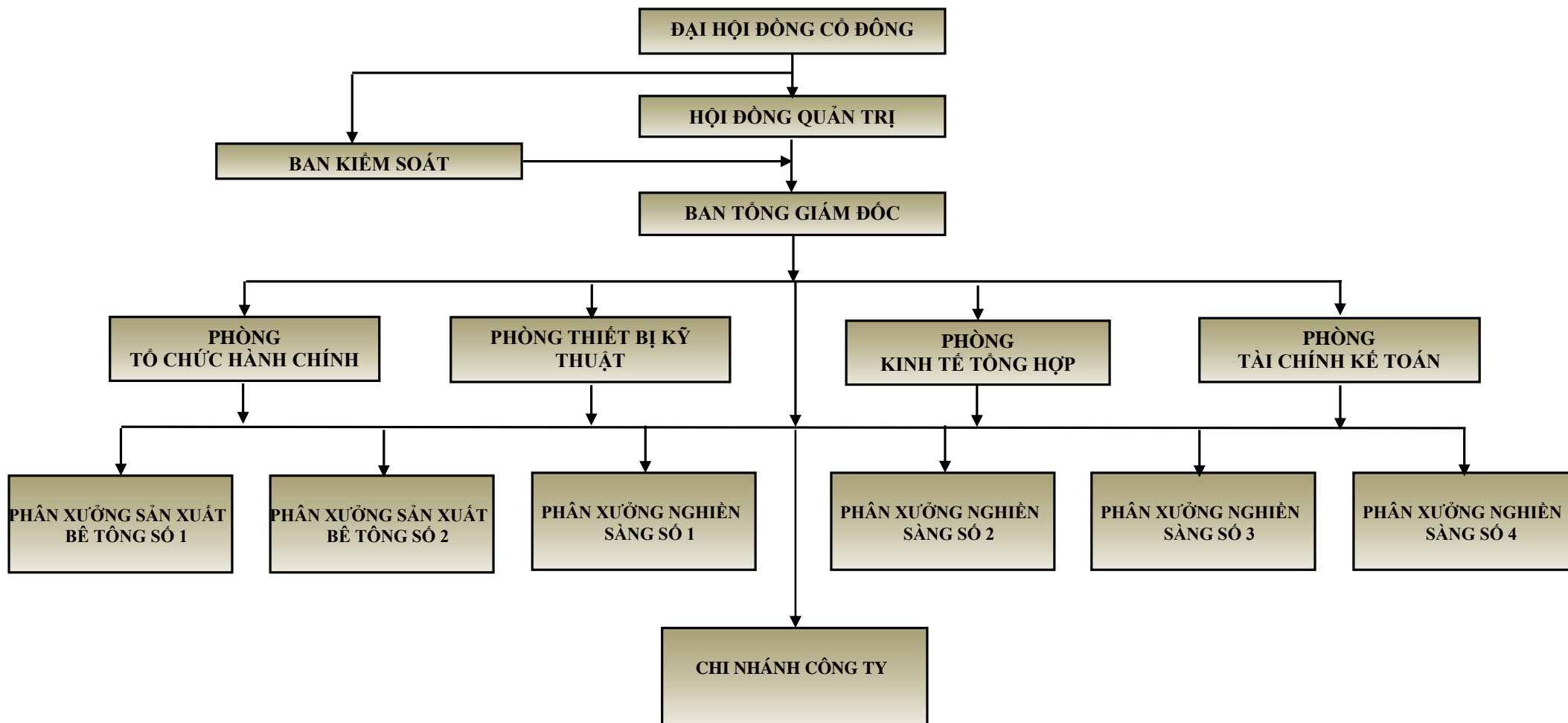
Các chi nhánh trực thuộc Công ty:

TT	Tên chi nhánh trực thuộc	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh
1	Chi nhánh Công ty CP Sông Đà 7.04 tại Hòa Bình	Thị trấn Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình	Hoạt động theo ngành nghề kinh doanh của Công ty



3. BỘ MÁY QUẢN LÝ

3.1 Sơ đồ Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04



Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04 được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH11 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005, Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Cơ sở của hoạt động quản trị và điều hành Công ty là Điều lệ tổ chức và hoạt động được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền bỏ phiếu hoặc người được cổ đông uỷ quyền. ĐHĐCD có nhiệm vụ:

- Thông qua kế hoạch phát triển của Công ty, thông qua báo cáo tài chính hàng năm, các báo cáo của Ban kiểm soát và của HĐQT;
- Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ;
- Quyết định số lượng thành viên của HĐQT;
- Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên HĐQT và Ban kiểm soát; phê chuẩn việc HĐQT bổ nhiệm Tổng Giám đốc;
- Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ, thông qua định hướng phát triển của Công ty, quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- Các quyền hạn và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HĐQT gồm 05 thành viên với nhiệm kỳ hoạt động 05 năm. HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty, trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông, bao gồm:

- Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
- Xác định mục tiêu hoạt động và mục tiêu chiến lược trên cơ sở các mục đích chiến lược do ĐHĐCD thông qua;
- Bổ nhiệm và bãi nhiệm các người quản lý Công ty theo đề nghị của Giám đốc và quyết định mức lương của họ;
- Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;
- Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời, tổ chức việc chi trả cổ tức;
- Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp ĐHĐCD, hoặc thực hiện các thủ tục hỏi ý kiến

để ĐHCĐ thông qua quyết định;

- Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty;
- Các quyền hạn và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

Danh sách các thành viên HĐQT:

1. Ông **Nguyễn Hữu Doanh** Chủ tịch HĐQT
2. Ông **Nguyễn Văn Cường** Ủy viên HĐQT
3. Ông **Nguyễn Xuân Đức** Ủy viên HĐQT
4. Ông **Trịnh Quang Thạnh** Ủy viên HĐQT
5. Ông **Hoàng Nguyên Ngọc** Ủy viên HĐQT

BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát gồm 03 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu ra và bãi miễn nhiệm, có những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

- Thực hiện giám sát HĐQT, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao;
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
- Thẩm định báo cáo tài chính, tình hình kinh doanh, báo cáo tài hình hàng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT;
- Trình báo cáo thẩm định, báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm của Công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;
- Kiến nghị HĐQT hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

Danh sách các thành viên Ban kiểm soát:

1. Ông **Phạm Minh Thuận** Trưởng BKS
2. Ông **Nguyễn Trọng Tiêu** Thành viên BKS
3. Ông **Lê Văn Khánh** Thành viên BKS

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, bao gồm 04 thành viên: 01 Tổng giám đốc và 03 Phó tổng

giám đốc.

Tổng giám đốc là người quản lý, giám sát và điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty. Tổng giám đốc có các quyền và nhiệm vụ sau :

- Quản lý và điều hành các hoạt động, công việc hàng ngày của Công ty thuộc thẩm quyền của Tổng giám đốc theo quy định của pháp luật và Điều lệ;
- Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Ký kết và tổ chức thực hiện các hợp đồng kinh tế, dân sự và các loại hợp đồng khác phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của Công ty;
- Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh quản lý của Công ty mà không thuộc đối tượng do HĐQT bổ nhiệm;
- Tuyển dụng, thuê mượn và bố trí sử dụng người lao động theo quy định của HĐQT, phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty. Quyết định mức lương, phụ cấp (*nếu có*) cho người lao động trong Công ty;
- Đại diện Công ty trước pháp luật, đại diện Công ty trong các tranh chấp có liên quan đến Công ty;
- Các quyền hạn và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

Giúp việc cho Tổng giám đốc có 03 Phó tổng giám đốc

Danh sách Ban Tổng giám đốc:

- | | |
|--------------------------------|-------------------|
| 1. Ông Nguyễn Xuân Đức | Tổng giám đốc |
| 2. Ông Nguyễn Văn Cường | Phó tổng giám đốc |
| 3. Ông Nguyễn Anh Lam | Phó tổng giám đốc |
| 4. Ông Trần Văn Tài | Phó tổng giám đốc |

PHÒNG TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH

Phòng Tổ chức – Hành chính có chức năng giúp việc cho HĐQT và Tổng giám đốc điều hành trong công tác tổ chức, nhân sự, tổ chức sắp xếp, sử dụng, phát triển nguồn nhân lực; khen thưởng kỷ luật và thực hiện các chế độ chính sách đối với người lao động; công tác đối ngoại, đối nội quản trị hành chính

văn phòng và văn thư lưu trữ trong phạm vi toàn Công ty. Các nhiệm vụ chính bao gồm:

- Công tác tổ chức;
- Công tác cán bộ và đào tạo;
- Công tác lao động và tiền lương;
- Công tác khen thưởng, kỷ luật;
- Công tác hành chính, bảo vệ, y tế.

PHÒNG THIẾT BỊ KỸ THUẬT

Phòng thiết bị kỹ thuật có chức năng chính về công tác quản lý cơ giới, vật tư của Công ty đảm bảo khai thác sử dụng hiệu quả xe máy thiết bị và sử dụng vật tư tiết kiệm. Mua sắm và chịu trách nhiệm về mặt định mức tiêu hao nhiên liệu, quản lý bảo dưỡng kỹ thuật xe máy thiết bị thi công hiệu quả cao nhất. Trực tiếp phụ trách công tác vệ sinh an toàn và bảo hộ lao động của Công ty. Tham mưu giúp việc cho HĐQT và Ban Tổng giám đốc về công tác quy hoạch, thiết kế, tổ chức, lập biện pháp thi công đảm bảo tiến độ, chất lượng công trình, dự án công ty tham gia, giám sát toàn bộ công tác kỹ thuật, thi công, chất lượng các dự án, hạng mục thi công, sản phẩm sản xuất của Công ty. Các nhiệm vụ chính bao gồm:

- Lập quy hoạch, thiết kế, bản vẽ kỹ thuật dự án, công trình;
- Kiểm tra, phân tích bản vẽ thiết kế các dự án, công trình công ty tham gia đấu thầu, thi công;
- Tính toán, bóc tách các loại vật liệu từ bản vẽ thiết kế thi công được duyệt;
- Tổ chức, lập biện pháp thi công đảm bảo an toàn, chất lượng, đúng kỹ thuật;
- Giám sát, điều hành công tác kỹ thuật, thi công tại hiện trường;
- Xây dựng, ban hành các quy định về quản lý chất lượng, quy trình đảm bảo kỹ thuật;
- Lập các báo cáo khối lượng thi công, tiến độ chi tiết các dự án, công trình theo yêu cầu quản lý;
- Tổ chức đơn đốc công tác nghiệm thu, bàn giao, lập hồ sơ thu vốn theo đúng yêu cầu, tiến độ;
- Mua sắm vật tư, thiết bị cung cấp cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, áp dụng các hình thức đấu thầu, chọn thầu đảm bảo mua được vật tư, máy móc thiết bị với chi phí thấp nhất, hiệu quả sử dụng cao nhất;
- Chịu trách nhiệm về chất lượng, giá cả công năng của các vật tư mua về;
- Theo dõi việc sử dụng vật tư đúng định mức, đảm bảo tiết kiệm và hiệu quả;
- Lập hồ sơ, lý lịch máy móc, thiết bị. Theo dõi việc bảo hành, bảo dưỡng, sửa chữa tiêu hao nhiên liệu của từng máy móc thiết bị;
- Là đầu mối quản lý toàn bộ hệ thống máy móc, vật tư, thiết bị phục vụ hoạt động SXKD của Công

ty;

- Báo cáo định kỳ về việc mua sắm và sử dụng vật tư, thiết bị, tình trạng kỹ thuật hoạt động của từng xe máy, thiết bị;
- Tổ chức huấn luyện an toàn lao động cho người lao động mới vào làm việc và theo định kỳ;
- Tổ chức, theo dõi cấp phát và sử dụng trang thiết bị, dụng cụ lao động và bảo hộ lao động đảm bảo sản xuất phải an toàn;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân cấp quản lý và theo sự chỉ đạo của Giám đốc Công ty.

PHÒNG KINH TẾ TỔNG HỢP

Phòng Kinh tế tổng hợp có chức năng tham mưu, tư vấn giúp Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc công ty trong các công tác: quản lý kinh tế; quản lý kế hoạch; đầu tư; tiếp thị, đấu thầu, thị trường; kỹ thuật phần xây lắp; thiết lập các kế hoạch sản xuất kinh doanh, các kế hoạch đầu tư dự án một cách hiệu quả và khả thi. Tổ chức khai thác tối đa các tiềm năng, lợi thế kinh doanh của Công ty, nghiên cứu thị trường, xây dựng chính sách bán hàng, phát triển mạng lưới thiêu thụ và chăm sóc khách hàng. Giám sát, nghiệm thu công trình thi công phần xây lắp đảm bảo đúng chất lượng và tiến độ theo đúng hồ sơ thiết kế. Xây dựng và ban hành định mức, đơn giá cho từng hạng mục công việc. Các nhiệm vụ chính bao gồm:

- Công tác quản lý kinh tế đối với các công trình Công ty thi công;
- Công tác định mức, đơn giá tiền lương;
- Công tác hợp đồng kinh tế;
- Công tác hạch toán kinh doanh;
- Công tác kế hoạch;
- Công tác đầu tư;
- Công tác tiếp thị đấu thầu;

PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

Phòng Tài chính Kế toán có chức năng tham mưu giúp việc cho HĐQT và Tổng giám đốc về công tác tài chính kế toán, tín dụng, hạch toán kinh doanh trong toàn Công ty, điều tiết các nguồn lực tài chính, khai thác và sử dụng nguồn vốn hiệu quả nhằm mục tiêu phát triển chung toàn Công ty. Các nhiệm vụ chính bao gồm:

- Lập kế hoạch tài chính, huy động vốn, sử dụng phân phối vốn;
- Thu thập, phân loại và xử lý tổng hợp số liệu, thông tin về hoạt động SXKD;
- Phản ánh, ghi chép các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong quá trình hoạt động SXKD của Công ty một cách đầy đủ, trung thực và kịp thời;
- Phát hành một số chứng từ theo mẫu bắt buộc của Nhà nước như: Hóa đơn giá trị gia tăng, giấy

Trang 12

Đơn vị phát hành: CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 7.04

nộp tiền vào ngân sách ...;

- Tổ chức vận dụng hệ thống tài khoản kế toán;
- Tổng hợp số liệu và lập các báo cáo kế toán theo quy định;
- Lập các báo cáo đột xuất thuộc lĩnh vực tài chính kế toán theo yêu cầu của Tổng công ty và lãnh đạo Công ty;
- Tổ chức đơn đốc công tác thu tiền bán hàng, quản lý và thu hồi công nợ;
- Phân tích, so sánh tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh hàng quý, năm.

4. CƠ CẤU LAO ĐỘNG

- **Số lượng cán bộ, nhân viên:**

Tính đến thời điểm 31/12/2015, Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04 có 253 CBCNV, cơ cấu lao động được thể hiện ở bảng sau:

- **Cơ cấu lao động của Sông Đà 7.04 (tại thời điểm 31/12/2015)**

STT	Loại hình lao động	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
1	Đại học và Cao Đẳng	51	20,2%
2	Trung + Sơ cấp	12	4,7%
3	Công nhân kỹ thuật	190	75,1%
	Tổng cộng	253	100%

- **Chính sách đối với người lao động:**

Chế độ làm việc

- Thời gian làm việc: 8h/ngày, 6 ngày/tuần, nghỉ trưa 1h. Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất, kinh doanh thì CBCNV có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước.
- Ngày phép, nghỉ lễ, Tết, nghỉ ốm thai sản: CBCNV được nghỉ lễ và Tết 9 ngày theo quy định của Luật Lao động. Đối với CBCNV đã làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép 12 ngày/năm. Những người còn lại sẽ được nghỉ phép tính theo tỷ lệ thời gian làm việc. CBCNV được nghỉ ốm 03 ngày (*không liên tục*) trong năm và được hưởng nguyên lương. CBCNV được hưởng các chế độ BHXH, BHYT theo quy định của nhà nước.
- Điều kiện làm việc: Công ty trang bị đầy đủ các công cụ bảo hộ lao động, đồng thời Công ty luôn

tuân thủ các nguyên tắc an toàn lao động để đảm bảo năng suất lao động cao và an toàn cho CBCNV.

Chính sách tuyển dụng, thu hút nhân tài

Dựa vào nhu cầu mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, hàng năm, Công ty đều xây dựng kế hoạch tuyển dụng để thu hút người lao động có năng lực. Công ty đề ra những tiêu chuẩn tuyển dụng nhân sự đặc biệt cho từng vị trí, song tất cả các vị trí đều có những yêu cầu chung như: có trình độ chuyên môn cơ bản, có ý thức phát triển nghề nghiệp và có tính kỷ luật cao, chủ động trong công việc, v.v... .

Với chính sách tuyển dụng có hiệu quả, trong năm qua Công ty đã thu hút và xây dựng được một đội ngũ nhân lực giỏi từ nhiều nguồn khác nhau. Các CBCNV trẻ trung và năng động của SĐ7.04 luôn được trau dồi kỹ năng, kinh nghiệm từ những chính sách đào tạo của Công ty. Với chủ trương lấy con người làm gốc, Công ty luôn tạo điều kiện cho người lao động được học tập, nâng cao kiến thức về chuyên môn và nghiệp vụ. Công ty thường xuyên cử cán bộ tham gia các khóa tập huấn, đào tạo ngắn ngày và dài ngày về các nghiệp vụ kinh doanh, đồng thời tổ chức những lớp tập huấn phổ biến công nghệ mới cho các cán bộ kỹ thuật.

Chính sách tuyển dụng hợp lý, kết hợp với kế hoạch đào tạo và trau dồi thường xuyên cho CBCNV đã góp phần giúp Sông Đà 7.04 duy trì một nguồn nhân lực chất lượng cao, tạo lợi thế cạnh tranh vững chắc để Công ty có thể tự tin mở rộng hơn nữa các hoạt động sản xuất kinh doanh trong ngành xây dựng nói chung và ngành sản xuất vật liệu xây dựng nói riêng.

Chính sách lương thưởng, phúc lợi

Chính sách lương

Hệ thống lương của Sông Đà 7.04 được xây dựng dựa vào nguyên tắc công bằng trên cơ sở đánh giá một cách toàn diện trình độ, năng lực, kinh nghiệm và chủ yếu là dựa vào hiệu quả công việc của từng cá nhân và kết quả hoạt động kinh doanh của từng thời kỳ. Hệ thống này cũng bảo đảm tuân thủ những quy định về chế độ tiền lương của Nhà nước.

Định kỳ, người lao động trong Công ty được hưởng lương và được xem xét nâng bậc lương căn cứ vào trình độ, năng lực và hiệu quả công việc được giao.

Chính sách khen thưởng, kỷ luật

Với mục tiêu động viên người lao động nâng cao năng suất và hiệu quả công việc, Công ty áp dụng chính sách khen thưởng xứng đáng đối với các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, có đóng góp sáng

kiến về giải pháp kỹ thuật giúp đem lại hiệu quả kinh doanh cao.

Hình thức khen thưởng được áp dụng bao gồm khen thưởng bằng vật chất, tuyên dương trước tập thể, tổ chức các chuyến du lịch, tập huấn trong và ngoài nước, v.v... .

Bên cạnh đó, việc xử lý cán bộ có hành vi gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động và hình ảnh của Công ty cũng được Sông Đà 7.04 thực hiện chặt chẽ. Nhờ đó đã giúp Sông Đà 7.04 tạo dựng một môi trường làm việc nghiêm túc và có tinh thần thi đua cao trong toàn Công ty.

Chế độ bảo hiểm và phúc lợi

Việc trích nộp bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế cho người lao động luôn được Công ty thực hiện đầy đủ theo các quy định của pháp luật, bảo đảm quyền lợi của CBCN, giúp người lao động yên tâm trong công tác.

Bên cạnh đó, ban lãnh đạo Công ty cũng rất chú trọng tới các chế độ đãi ngộ khác dành cho người lao động. Công ty đã xây dựng và đẩy mạnh các hoạt động đoàn thể, chú trọng đến quyền lợi cũng như đời sống tinh thần của toàn thể nhân viên. Trong năm, công ty tổ chức thực hiện các chế độ thăm hỏi đối với nhân viên ốm đau, thai sản, tặng quà cho nhân viên nhân dịp sinh nhật, kết hôn, tổ chức gặp mặt, tặng quà cho con em cán bộ nhân viên nhân dịp 1-6, Trung Thu...

Những hoạt động này đã tạo nên nét văn hóa đặc trưng của Sông Đà 7.04, mang lại sự gắn kết giữa các CBCNV cũng như giữa CBCNV với Công ty.

Chính sách cổ tức

Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04 chính thức đi vào hoạt động theo hình thức công ty cổ phần từ 26/12/2007. Theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04, chính sách phân phối cổ tức sẽ do HĐQT đề nghị và ĐHĐCĐ quyết định.

5. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

- Định hướng và mục tiêu phát triển của Sông Đà 7.04 là mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh theo hướng đa dạng hóa ngành nghề, đa dạng hoá sản phẩm, trong đó ưu tiên phát triển ngành nghề khai thác, sản xuất các loại vật liệu xây dựng là thế mạnh truyền thống của Công ty, để nâng cao vị thế, củng cố thương hiệu và mang lại hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh cao nhất. Bên cạnh đó chuyển đổi sang ngành nghề kinh doanh xây lắp các công trình thủy lợi, thủy điện, dân dụng, công nghiệp, kinh doanh điện, vận tải và nhà ở khác,...
- Sông Đà 7.04 xác định rõ mục tiêu: lấy hiệu quả kinh tế làm thước đo cho sự phát triển bền vững của Công ty, phát huy tối đa mọi nguồn lực đang có, nâng cao vị thế và sức cạnh tranh, xây dựng

thương hiệu Sông Đà 7.04 với các mục tiêu lớn: “Sản xuất công nghiệp – Đầu tư – Kinh doanh dịch vụ”.

- Từng bước xây dựng một đội ngũ cán bộ quản lý năng động, có trình độ cao về chuyên môn nghiệp vụ, có tinh thần trách nhiệm. Bên cạnh đó cũng quan tâm xây dựng một đội ngũ công nhân kỹ thuật có tay nghề cao, có tác phong công nghiệp đáp ứng được các yêu cầu của công nghệ sản xuất hiện đại trong tương lai.
- Đảm bảo sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao, phát triển nguồn vốn tự có của đơn vị, đảm bảo tỷ lệ cổ tức hàng năm cho các cổ đông của Công ty;
- Phân đầu trở thành một đơn vị mạnh toàn diện, với đa ngành đa nghề, có năng lực cạnh tranh cao trong môi trường kinh tế hội nhập;
- Đảm bảo tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động trong Công ty, từng bước nâng cao cuộc sống vì sự nghiệp dân giàu nước mạnh;

6. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

▪ RỦI RO VỀ KINH TẾ

Trong năm 2015, nền kinh tế thế giới và trong nước đã qua giai đoạn khó khăn và đang tăng trưởng trở lại song chưa thực sự ổn định, điều này đòi hỏi Sông Đà 7.04 phải thực sự nỗ lực trong việc tìm kiếm công việc để mở rộng sản xuất kinh doanh.

Để hạn chế những ảnh hưởng từ rủi ro về kinh tế, Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04 luôn cập nhật và theo dõi sát sao các diễn biến của thị trường trong nước và thế giới để đảm bảo phản ứng linh hoạt và kịp thời trước các tình huống bất lợi có thể xảy ra.

Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Kinh tế Việt Nam đang chịu ảnh hưởng, tác động rất nhiều bởi tình hình chung của kinh tế thế giới và năm 2015 mức tăng trưởng kinh tế Việt Nam đang tăng trở lại do tác động của các hiệp định kinh tế quan trọng được ký trong năm. Với mức tăng trưởng kinh tế trong nước đang được cải thiện, các lĩnh vực hoạt động trong nền kinh tế cũng đang phục hồi và đây cũng là thuận lợi tác động trực tiếp tới các doanh nghiệp trong từng ngành, từng lĩnh vực. Như vậy, tốc độ tăng trưởng kinh tế có ảnh hưởng, thay đổi rất lớn tới quy mô sản xuất, khả năng tăng trưởng, phát triển của ngành sản xuất vật liệu nói chung cũng như Sông Đà 7.04 nói riêng.

Lạm phát

Các vấn đề nội tại của nền kinh tế Việt Nam đang có những chuyển biến tích cực, lạm phát Việt Nam đang

tiếp tục được duy trì ở mức ổn định hợp lý. Với các chỉ số và các dấu hiệu tích cực của kinh tế vĩ mô sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp hoạt động trong đó có Sông Đà 7.04.

Lãi suất

Hiện nay, vốn vay của Sông Đà 7.04 chiếm khoảng 42,6% vốn chủ sở hữu, là vốn vay ngắn hạn với lãi suất hiện nay 9%/năm. Như vậy, tỷ lệ này của Công ty là đang ở mức bình thường so với các doanh nghiệp cùng ngành.

Rủi ro lãi suất có thể xảy ra khi lãi suất tăng biến động bất thường. Lãi suất tăng cao sẽ làm gia tăng chi phí tài chính và gây ảnh hưởng tới kết quả sản xuất kinh doanh trong kỳ của Công ty.

▪ RỦI RO VỀ MẶT LUẬT PHÁP

Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04 là Công ty đại chúng và tiến hành niêm yết trên thị trường chứng khoán tập trung, mọi hoạt động của Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04 đều chịu ảnh hưởng của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Cũng như các doanh nghiệp khác được thành lập, hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04 cần có thời gian để tiếp cận và tiến hành quản lý doanh nghiệp theo tất cả các quy định Pháp luật. Tuy nhiên, hiện nay các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, ... đang còn thiếu tính đồng bộ, nhất quán và thường xuyên sửa đổi, bổ sung. Do vậy, việc nắm bắt và thực thi của các doanh nghiệp còn gặp nhiều khó khăn.

▪ RỦI RO ĐẶC THÙ TRONG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Hoạt động sản xuất vật liệu xây dựng không những đòi hỏi dây chuyền sản xuất phải hiện đại, đồng bộ, sản xuất sản phẩm liên tục mà Doanh nghiệp còn phải đảm bảo nguồn cung cấp nguyên vật liệu phục vụ sản xuất ổn định, thị trường tiêu thụ sản phẩm đảm bảo tiêu thụ hết những sản phẩm sản xuất ra. Với tình hình hiện nay, sự cạnh tranh ngày càng gay gắt trong ngành, Công ty sẽ phải đối mặt với nhiều khó khăn để giữ vững được thị phần cũng như khẳng định năng lực sản xuất, tài chính của mình.

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và cung ứng các loại vật liệu xây dựng phục vụ cho công tác thi công các hạng mục tại các công trình thủy điện lớn của đất nước như: thủy điện Nậm Chiến, thủy điện Sơn La, thủy điện Lai Châu. Vì vậy, những rủi ro xuất phát từ tổ chức thi công tại các công trình này có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động của Công ty, cụ thể như:

- Các công trình thủy lợi, thủy điện thi công chủ yếu tại các vùng miền núi, vùng sâu vùng xa nên các điều kiện thi công và cuộc sống của người lao động gặp không ít khó khăn, tiềm ẩn nhiều rủi

ro về điều kiện kinh tế xã hội của vùng dự án;

- Các điều kiện về kỹ thuật thi công được chủ đầu tư áp dụng tại các dự án thủy điện là rất khắt khe, đòi hỏi các quy trình từ thi công đến nghiệm thu rất nghiêm ngặt. Do đó, ở đây cũng tiềm ẩn nhiều rủi ro cho các hoạt động SXKD của Công ty.
- Công tác nghiệm thu, thanh toán thường kéo dài dẫn đến việc quay vòng vốn rất chậm bên cạnh đó công tác ban hành đơn giá, định mức công trình cũng rất chậm dẫn đến việc tồn đọng vốn do chủ đầu tư chưa có căn cứ thanh toán cũng làm ảnh hưởng rất lớn đến kết quả hoạt động SXKD của Công ty.

Thêm nữa là giá cả các yếu tố đầu vào của ngành sản xuất vật liệu xây dựng như xi măng, cát, đá dăm thường xuyên biến động. Trong khi đó, nguồn tài nguyên thiên nhiên để khai thác phục vụ sản xuất ngày càng khan hiếm. Các lý do này đã làm chi phí đầu vào cho hoạt động tăng cao và gây ảnh hưởng nhất định đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, Công ty đã có nhiều kinh nghiệm trong ngành, khẳng định được vị thế của Công ty khi tham gia các công trình trọng điểm quốc gia, tạo được uy tín đối với các đối tác, chủ đầu tư, bên cạnh đó Công ty còn được sự hỗ trợ rất lớn từ Công ty Cổ phần Sông Đà 7 nên việc đảm bảo hoạt động kinh doanh có hiệu quả.

▪ **RỦI RO VIỆC NIÊM YẾT CỔ PHIẾU**

Việc niêm yết cổ phiếu Sông Đà 7.04 trên thị trường chứng khoán tập trung sẽ đem lại những lợi ích cho Công ty và các cổ đông. Công ty có thể quảng bá hình ảnh, thương hiệu cũng như uy tín của mình; tăng cường tính thanh khoản của cổ phiếu; tạo điều kiện cho Công ty tiếp cận thêm nguồn vốn dài hạn thông qua TTCK; hướng đến việc chuẩn hóa minh bạch hơn trong công tác quản trị, điều hành theo mô hình quản trị Công ty hiện đại.

Tuy nhiên, những biến động giá cả cổ phiếu trên thị trường chứng khoán là khó tránh khỏi. Trên thực tế giá chứng khoán trên thị trường được quyết định bởi nhiều yếu tố như cung - cầu cổ phiếu; tình hình kinh tế - xã hội; sự thay đổi về chính sách kinh tế, các quy định pháp luật về chứng khoán; tâm lý của nhà đầu tư... Sự biến động của giá cổ phiếu có thể gây ảnh hưởng đến thương hiệu, giá trị của Công ty.

▪ **RỦI RO KHÁC**

Các rủi ro khác như thiên tai, bão lụt, hỏa hoạn... luôn là những rủi ro tiềm ẩn tác động trực tiếp đến tiến

độ thi công của Công ty. Những biến động này làm giảm tốc độ thi công, gây thiệt hại cho công trình.

II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

A. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SXKD VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ NĂM 2015

1. Đánh giá chung tình hình hoạt động SXKD:

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2015, tập thể CBCNV Công ty cổ phần Sông Đà 7.04 đã nỗ lực phấn đấu lao động sản xuất tại các công trình, dự án của Đơn vị. Tuy nhiên, do ảnh hưởng chung của nền kinh tế nên hoạt động SXKD của Công ty chưa hoàn thành một số mục tiêu kế hoạch đã đặt ra, nguyên nhân chủ yếu như: Các công trình chỉ định thầu Đơn vị tham gia đã cơ bản kết thúc, nợ đọng vốn tại các công trình còn lớn, các công trình mới tham gia chưa phát huy hiệu quả, thị trường bán hàng đầu ra gặp rất nhiều khó khăn, giá cả nguyên, nhiên vật liệu đầu vào biến động bất thường,.. Trước tình hình đó, Hội đồng quản trị, Bộ máy quản lý điều hành cùng với tinh thần lao động sản xuất khắc phục mọi khó khăn của tập thể CBCNV công ty, đã triển khai thực hiện các công tác và đạt được kết quả như sau:

- Hoàn thành các mục tiêu tiến độ thi công tại các công trình trọng điểm như: Thủy điện Lai Châu, Thủy điện Huội Quảng, Thủy điện Bản Chát; đảm bảo chất lượng công trình xây dựng theo đúng yêu cầu kỹ thuật của các dự án đó.
- Công tác sắp xếp lại, đổi mới mô hình hoạt động quản lý điều hành sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp được chú trọng, năng lực của bộ máy quản lý, điều hành các cấp, trình độ tay nghề công nhân kỹ thuật được nâng cao, quy hoạch đào tạo nguồn nhân lực phục vụ cho nhu cầu phát triển của Công ty trong tương lai.
- Công tác tiếp thị, đấu thầu tìm kiếm việc làm, mở rộng địa bàn hoạt động sản xuất kinh doanh được đặc biệt quan tâm, từng bước tiếp cận, chọn lọc các công việc phù hợp, có hiệu quả và khả năng phát triển lâu dài để triển khai thực hiện.
- Sản xuất kinh doanh đạt một số chỉ tiêu kinh tế - tài chính đảm bảo, đủ việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, bảo toàn và phát triển nguồn vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp.

2. Các chỉ tiêu kinh tế, tài chính chủ yếu đạt được:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2015	Thực hiện năm 2015	Tỷ lệ % TH/KH

Trang 19

Đơn vị phát hành: CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 7.04

TT Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La; Tel: 0420 236 699; Website: www.songda704.com.vn

1	Tổng giá trị SXKD	10 ⁹ đ	308,490	362,971	118%
2	Doanh số bán hàng	10 ⁹ đ	396,319	411,062	104%
3	Tiền về tài khoản	10 ⁹ đ	394,747	362,580	92%
4	Các khoản nộp NN	10 ⁹ đ	7,507	12,791	170%
5	Khấu hao TSCĐ	10 ⁹ đ	14,706	14,692	99,9%
6	Lợi nhuận trước thuế	10 ⁹ đ	5,281	1,087	21%
-	Tỷ suất Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	%	1,47	0,29	19,8%
-	Tỷ suất Lợi nhuận trước thuế /Vốn điều lệ	%	8,80	1,81	20,6%
7	Giá trị đầu tư	10 ⁹ đ	-	-	-
8	Tổng quỹ lương	10 ⁹ đ	24,642	27,655	112%
9	Chi phí QLDN	10 ⁹ đ	8,241	9,522	116%
10	Tỷ lệ cổ tức	%	8	0	0

3. Tình hình thi công sản xuất tại các công trình, dự án:

3.1. Công trình thủy điện Lai Châu:

- Khối lượng sản xuất đá cát các loại là 438.259 m³/KH: 409.867 m³ đạt 107% KH năm.
- Khối lượng sản xuất bê tông là 146.103 m³/KH: 133.799 m³ đạt 109% KH năm.
- Hoàn thành tiến độ sản xuất, cung cấp vữa bê tông CVC tại công trình, đảm bảo hoạt động sản xuất cát đá các loại được liên tục, đáp ứng nhu cầu các đơn vị trên công trường.

3.2. Công trình thủy điện Huội Quang:

- Khối lượng sản xuất đá cát các loại là: 112.543 m³/KH: 86.766 m³ đạt 130% KH năm.
- Đảm bảo sản xuất và cung cấp đủ vật liệu cát đá đáp ứng yêu cầu tiến độ công trình, cũng như cho các đơn vị khác tại khu vực lân cận.

3.3. Công trình thủy điện Bản Chát:

- Khối lượng sản xuất bê tông là: 19.201 m³/KH: 18.000 m³ đạt 107% KH năm.
- Hoàn thành tiến độ sản xuất, cung cấp vữa bê tông CVC tại công trình thủy điện Bản Chát cho các đơn vị, góp phần vào hoàn thành mục tiêu tiến độ công trình tham gia thi công.

3.4. Mỏ đá Bình Thanh, Cao Phong, Hòa Bình:

- Khối lượng khai thác đá hộc và sản xuất đá dăm các loại là: 25.351 m³/KH: 45.285 m³ đạt 56% KH năm.

- Hoạt động sản xuất và bán hàng tại mỏ đá Bình Thanh chủ yếu cung cấp cho thị trường tỉnh Hòa Bình và vùng phụ cận, phụ thuộc rất nhiều vào các yếu tố thị trường tiêu thụ vật liệu xây dựng, mức độ cạnh tranh cao.

3.5. Mỏ đá Đùm Lét, Kỳ Thịnh, Kỳ Anh, Hà Tĩnh:

- Khối lượng khai thác đá học và sản xuất, cung cấp đá dăm các loại là: 124.156 m³/KH: 183.051 m³ đạt 68% KH năm.

- Hoạt động sản xuất và bán hàng tại mỏ đá Hà Tĩnh chủ yếu cung cấp cho khu kinh tế Vũng Áng và vùng phụ cận, phụ thuộc rất nhiều vào tiến độ triển khai dự án của các nhà thầu chính trong khu kinh tế, cũng như các yếu tố thị trường tiêu thụ vật liệu xây dựng trên địa bàn vùng lân cận, mức độ cạnh tranh khốc liệt do “lượng cung” quá lớn so với “lượng cầu” của thị trường vật liệu xây dựng trên cùng địa bàn, cụ thể do những nguyên nhân sau:

+ Chi phí đầu tư ban đầu vào mặt bằng mỏ lớn (như: móng máy tường chắn, đường dây và trạm biến áp cấp điện, đường giao thông ra vào mỏ, nhà kho xưởng, nhà ở làm việc... để phục vụ cho 02 dây chuyền trạm nghiền hoạt động). Mặt khác, cấu tạo địa chất của mỏ Đùm Lét có lớp đất phủ lớn (trung bình khoảng 15m), nên chi phí bóc tầng phủ mỏ đến tầng đá khai thác rất lớn, quãng tải nhiều lần do biện pháp, dẫn tới suất đầu tư cao, làm tăng giá thành sản xuất, giảm sức cạnh tranh của sản phẩm.

+ Trong tình trạng “lượng cung” vượt quá lớn so với “lượng cầu” thì các đơn vị Nhà thầu trong khu kinh tế Vũng Áng (như: Sam Sung C&T; Bê tông Khải Hoàng; Liên Thành; Phú Doanh; Cty Thanh Thành Phát,...) đưa ra rất nhiều các chiêu thức để ép giá, hạ giá mua đá xây dựng của các mỏ, dẫn tới giá bán đầu ra liên tục giảm, các mỏ đua nhau giảm giá để cạnh tranh với nhau, và xảy ra cạnh tranh không lành mạnh, khi đó các nhà thầu chỉ nhập đá của mỏ nào có giá thấp nhất.

+ Việc tham gia hợp tác khai thác, sản xuất với chủ mỏ vào thời điểm khu Kinh tế Vũng Áng đã đi vào giai đoạn cuối của giai đoạn 1, sản lượng tiêu thụ đá sản phẩm không còn lớn. Vì vậy, sản lượng đầu ra không đạt được như tính toán ban đầu.

3.6. Sản xuất cung cấp vữa bê tông thương phẩm tại Hà Nội:

- Khối lượng sản xuất và cung cấp vữa bê tông là: 11.392 m³ cho các khách hàng.

- Tổ chức kiện toàn bộ máy, sản xuất ổn định để cung cấp vữa bê tông thương phẩm cho các đối tác trên địa bàn Thành phố Hà Nội và vùng phụ cận.

3.7. Công tác sắp xếp tổ chức quản lý điều hành sản xuất kinh doanh:

Trước nhiệm vụ và tình hình thi công sản xuất tại các công trình, dự án Ban lãnh đạo Công ty đã xây dựng một số mô hình tổ chức, quản lý áp dụng cho từng khu vực, cụ thể:

- Tại Lai Châu: Tổ chức quản lý điều hành tập trung, các Phân xưởng nghiền sàng, Phân xưởng sản xuất bê tông và Đội cơ giới phục vụ thi công sản xuất ổn định, đáp ứng tiến độ cũng như chất lượng sản phẩm tại công trình.

- Tại Hà Tĩnh, Hà Nội: Công ty đã thành lập các Ban chỉ huy công trường để quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như tổ chức giao nhận khoán cho Chỉ huy trưởng nhằm nâng cao hiệu quả, tăng tính chủ động trong hoạt động quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh.

- Tại các công trình, dự án ở xa trụ sở Công ty như thủy điện Huội Quảng, thủy điện Bản Chát, mỏ đá Bình Thanh: Tổ chức giao nhận khoán trực tiếp cho các Đội, Phân xưởng để nâng cao hiệu quả và tăng tính chủ động trong hoạt động sản xuất kinh doanh, phù hợp với mô hình quản lý theo xu hướng mới.

B. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2015

1. Đánh giá công tác quản lý công ty

- Công tác quản lý toàn diện các mặt của Công ty như: Quản lý vốn, quản lý tài sản, quản lý chất lượng, tiến độ công trình, quản lý đầu tư, quản lý lao động. Theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

- HĐQT công ty thường xuyên tiến hành họp để kiểm điểm tình hình thực hiện nhiệm vụ SXKD quý trước và bàn các biện pháp tổ chức thực hiện quý sau. Phê duyệt kết quả SXKD hàng quý, xây dựng, điều chỉnh kế hoạch và định hướng trung, dài hạn.

- Trong quá trình hoạt động SXKD, Hội đồng quản trị và bộ máy quản lý điều hành của Công ty luôn chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Pháp luật, chế độ chính sách của Nhà nước, Điều lệ và quy chế quản lý nội bộ của Công ty. Các quyết định mang tính chiến lược cũng như quyết định hàng ngày trong hoạt động SXKD luôn chính xác, kịp thời.

- Bộ máy quản lý của Công ty luôn đoàn kết, năng động, có trách nhiệm cao trong công việc được giao, là đơn vị có uy tín đối với Tổng công ty Sông Đà, các chủ đầu tư, tập thể người lao động.

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2015

- Tổ chức sắp xếp định biên lại bộ máy điều hành của Công ty ngày càng hoàn thiện hơn đảm bảo gọn nhẹ làm việc linh hoạt, kịp thời, nâng cao hiệu suất lao động phù hợp với mô hình quản lý của Công ty từng giai đoạn phát triển.

- Chỉ đạo Ban Tổng giám đốc xây dựng mô hình quản lý áp dụng cho từng khu vực và từng lĩnh vực SXKD của Công ty phù hợp với từng giai đoạn phát triển.

- Chỉ đạo, giám sát chặt chẽ mọi hoạt động của Ban Tổng giám đốc, các phòng Công ty và các đơn vị trực thuộc trong việc thực hiện các quy định của Pháp luật và các quyết định của HĐQT Công ty.

- Hội đồng quản trị tham khảo ý kiến Ban kiểm soát các vấn đề thuộc chức năng và nhiệm vụ của HĐQT trước khi đưa ra các Nghị quyết, quyết định hoặc trình đại hội đồng cổ đông.

- Xây dựng kế hoạch phát triển SXKD của Công ty năm 2016 theo yêu cầu phát triển của doanh nghiệp.

3. Công tác quản trị của Hội đồng quản trị

▪ Trong năm 2015 HĐQT đã ban hành 3 Nghị quyết và 34 Quyết định với các nội dung chủ yếu sau:

- + Kiểm điểm tình hình thực hiện kế hoạch SX kinh doanh và thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng Quý.
- + Thanh toán cổ tức năm 2013.
- + Các Quyết định về công tác tổ chức và cán bộ đã được HĐQT thực hiện đúng thẩm quyền, theo quy định của Điều lệ Công ty, trên nguyên tắc vì nhiệm vụ SXKD, nhiệm vụ xây dựng và phát triển đơn vị, trên cơ sở năng lực, trình độ thực tế của cán bộ, đảm bảo đủ điều kiện đề bạt và bổ nhiệm.
- + Các Quyết định đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thi công, vay vốn của các tổ chức tín dụng.

▪ Thay đổi thành viên HĐQT

- Ông Hoàng Nguyên Ngọc được bầu bổ sung làm thành viên Hội đồng quản trị ngày 22/6/2015
- Ông Nguyễn Văn Hùng từ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngày 22/6/2015

▪ Thay đổi thành viên BKS

Ngày 22/4/2015 Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 đã thông qua việc miễn nhiệm thành viên BKS đối với: Ông Trần Hải Điệp – Trưởng ban kiểm soát

Ngày 22/4/2015 Đại hội đồng cổ đông đã tiến hành bầu các ông có tên sau làm thành viên Ban kiểm soát: Ông Phạm Minh Thuận – Trưởng ban kiểm soát

▪ Thay đổi thành viên Ban Tổng giám đốc



Ông Trần Văn Tài được bổ nhiệm làm Phó Tổng giám đốc Công ty ngày 19/11/2015

▪ **Giao dịch của cổ đông nội bộ, cổ đông lớn và người có liên quan**

* Giao dịch cổ phiếu

- Giao dịch cổ đông nội bộ: Không có

- Giao dịch cổ đông lớn: Không có

* Giao dịch khác: Không có

Tổ chức thành công ĐHCĐ thường niên năm 2015 theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

III. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Tình hình thực hiện so với kế hoạch, so với năm trước:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2014	KH 2015	TH 2015	%/KH2015	%/TH2014
1	Tổng giá trị SXKD	10 ³ đ	464.227.218	308.490.269	362.971.446	118%%	78,2%
2	Doanh thu	10 ³ đ	431.414.701	360.290.260	373.694.026	103,7%	86,6%
3	Lợi nhuận	10 ³ đ	12.584.566	5.281.000	1.087.294	20,6%	8,63%
4	Nộp ngân sách	10 ³ đ	14.135.000	7.507.000	12.791.018	170%	90,5%

2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2014	Năm 2015	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	Lần	1,38	1,58	
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>TSLĐ - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	Lần	0,79	0,99	
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>				
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	63	57,3	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	170,3	134,3	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>				
+ Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân	Lần	2,57	2,67	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	1,06	1,09	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>				

+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	2,79	0,29
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	7,98	0,71
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	2,95	0,31
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	2,90	0,47

3. Đánh giá tổng quát:

Năm 2015 tình hình kinh tế trong nước đang bước vào giai đoạn chuyển biến mới, tham gia vào nhiều hiệp định thương mại quan trọng, tạo điều kiện thuận lợi cho việc mở rộng thị trường, đối tác, đa dạng hóa sản phẩm là cơ sở cho việc tăng trưởng kinh tế ổn định, lạm phát trong tầm kiểm soát. Tuy nhiên vẫn còn nhiều khó khăn, tiềm ẩn nhiều yếu tố rủi ro, đầu tư công vẫn đang bị thắt chặt, tìm kiếm công việc mới không thuận lợi, môi trường cạnh tranh ngày càng lớn đã tác động nhiều đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Bên cạnh đó các công trình Công ty đang tham gia sản xuất, thi công đã hoàn thành làm cho khối lượng công việc của Công ty bị giảm xuống nhiều, việc tìm kiếm công việc, dự án mới gặp rất nhiều khó khăn. Với tình hình như vậy, Ban tổng giám đốc chỉ đạo tập trung sử dụng tối đa các nguồn lực sẵn có như: máy móc thiết bị, lao động có tay nghề...thực hiện hoàn thành tốt các mục tiêu tại các công trình, khu vực mà Công ty đang tham gia sản xuất, thi công đảm bảo tiến độ, khối lượng theo yêu cầu của chủ đầu tư. Cùng với đó, Ban tổng giám đốc đã tập trung sắp xếp lại công tác tổ chức, điều hành sản xuất, thi công nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và giảm thiểu chi phí trong sản xuất kinh doanh.

Công ty đã mở rộng địa bàn sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư cũng ở mức tối thiểu, cầm chừng do tình hình kinh tế trong nước vẫn còn nhiều thách thức, chưa có sự tăng trưởng ổn định, vì vậy công tác huy động vốn và dòng tiền thu về chủ yếu phục vụ cho công tác sản xuất, thi công các dự án, công trình Công ty đang tham gia. Nhìn chung tình hình tài chính của Công ty hoạt động ổn định, không có hoạt động huy động vốn từ phát hành cổ phiếu, trái phiếu. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu như chỉ tiêu khả năng thanh toán chứng tỏ Công ty luôn đáp ứng được nhu cầu thanh toán phục vụ sản xuất, thi công; Chỉ tiêu cơ cấu nợ so với tổng tài sản và vốn chủ sở hữu đã giảm hơn so với năm 2014, cơ cấu nợ như vậy cho thấy mức độ an toàn vốn và phù hợp với tình hình tài chính của Công ty, ngành Công ty đang hoạt động; Chỉ tiêu năng lực hoạt động năm nay tăng hơn so với năm 2014 phản ánh năng lực hoạt động của Công ty trong năm 2015 tiếp tục được cải thiện; Chỉ tiêu khả năng sinh lời năm nay giảm nhiều so với năm 2015 là do trong năm công ty bị giảm giá trị đã thực hiện tại công trình thủy điện Sơn La khi quyết toán công trình với chủ đầu tư, dự án mở rộng sản xuất kinh doanh tại địa bàn Hà Tĩnh chưa hiệu quả, phát sinh các chi

phí tháo dỡ, di chuyển do phải hoàn trả lại mặt bằng các công trình đã thi công, bên cạnh đó sự biến động về giá các vật tư đầu vào cũng như các chính sách mới của nhà nước đã tác động tăng đến giá cả các vật tư đầu vào của Công ty. Công tác thu vốn mới chỉ được chủ đầu tư tạm thanh toán và chưa có đơn giá chính thức cũng là nguyên nhân làm khả năng sinh lời giảm.

IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH



Số: 638/2016/BČ.KTTC-AASC.KT5

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04 được lập ngày 20/03/2016 từ trang 06 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

T: (84) 4 3824 1990 | F: (84) 4 3825 3973 | 1 Lê Phụng Hiểu, Hanoi, Vietnam A member of HLB International

aasc.com.vn

HÀNG KIỂM TOÁN AASC

4

Trang 26

Đơn vị phát hành: CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 7.04

TT Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La; Tel: 0420 236 699; Website: www.songda704.com.vn

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04 tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 18 tháng 03 năm 2015.



Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AAC

Nguyễn Thanh Tùng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 0063-2013-002-1

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2016

Nguyễn Trường Minh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 2290-2013-002-1

Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04
Địa chỉ: Thị trấn Ít Ong - Huyện Mường La – Tỉnh Sơn La

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		308.302.534.865	349.125.134.334
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	3.440.058.676	7.505.072.049
111	1. Tiền		3.440.058.676	7.505.072.049
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		191.416.687.050	191.369.994.175
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	181.635.747.881	179.869.999.298
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		2.002.739.328	1.845.756.864
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	5	9.773.115.440	9.728.365.355
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.994.915.599)	(74.127.342)
140	III. Hàng tồn kho	7	113.374.067.081	150.069.724.052
141	1. Hàng tồn kho		113.374.067.081	150.069.724.052
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		71.722.058	180.344.058
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	56.888.000	165.510.000
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		14.834.058	14.834.058
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		31.922.122.064	55.770.883.348
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		247.907.200	29.430.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	5	247.907.200	29.430.000
220	II. Tài sản cố định		23.271.175.819	37.056.079.603
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	23.271.175.819	37.056.079.603
222	- Nguyên giá		206.444.391.233	218.089.268.405
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(183.173.215.414)	(181.033.188.802)
260	III. Tài sản dài hạn khác		8.403.039.045	18.685.373.745
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	8	8.403.039.045	18.685.373.745
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		340.224.656.929	404.896.017.682

Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04
Địa chỉ: Thị trấn Ít Ong - Huyện Mường La – Tỉnh Sơn La

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		195.044.872.716	255.126.850.017
310	I. Nợ ngắn hạn		195.039.872.716	253.096.741.568
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	10	104.884.075.889	145.749.631.603
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		8.155.407.933	7.348.237.294
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	5.379.392.139	3.898.280.315
314	4. Phải trả người lao động		6.888.191.295	8.238.908.269
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	12	449.595.679	4.546.220.264
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	13	4.687.449.594	8.621.637.051
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	14	61.825.496.375	71.175.302.953
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		2.770.263.812	3.518.523.819
330	II. Nợ dài hạn		5.000.000	2.030.108.449
337	1. Phải trả dài hạn khác	13	5.000.000	30.108.449
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	14	-	2.000.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		145.179.784.213	149.769.167.665
410	I. Vốn chủ sở hữu	15	145.179.784.213	149.769.167.665
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		60.000.000.000	60.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		60.000.000.000	60.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		15.960.000.000	15.960.000.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		54.514.367.796	48.302.310.709
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		14.705.416.417	25.506.856.956
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		13.675.059.876	13.557.551.416
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		1.030.356.541	11.949.305.540
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		340.224.656.929	404.896.017.682



Trần Văn Tài
Tổng Giám đốc
Sơn La, ngày 20 tháng 03 năm 2016

Ngô Quốc Thế
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Huyền
Người lập

Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04
Địa chỉ: Thị trấn Ít Ong - Huyện Mường La – Tỉnh Sơn La

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2015

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16	380.383.369.194	428.919.361.996
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	17	9.477.173.863	721.957.239
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	370.906.195.331	428.197.404.757
11	4. Giá vốn hàng bán	19	352.398.394.395	396.942.501.277
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		18.507.800.936	31.254.903.480
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	14.784.802	27.077.621
22	7. Chi phí tài chính	21	7.271.540.183	10.042.446.521
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		7.271.540.183	10.042.446.521
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	9.522.441.345	8.813.406.375
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		1.728.604.210	12.426.128.205
31	10. Thu nhập khác	23	1.471.355.630	190.935.390
32	11. Chi phí khác	24	2.112.665.380	32.496.635
40	12. Lợi nhuận khác		(641.309.750)	158.438.755
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.087.294.460	12.584.566.960
51	14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25	56.937.919	635.261.420
60	15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>1.030.356.541</u>	<u>11.949.305.540</u>
70	16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	26	172	1.992



Trần Văn Tài
Tổng Giám đốc
Sơn La, ngày 20 tháng 03 năm 2016

Ngô Quốc Thế
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Huyền
Người lập

Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04
Địa chỉ: Thị trấn Ít Ong - Huyện Mường La – Tỉnh Sơn La

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2015
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		1.087.294.460	12.584.566.960
	2. Điều chỉnh cho các khoản		22.283.130.856	29.766.095.316
02	- Khấu hao tài sản cố định và Bất động sản đầu tư		14.576.625.064	19.921.192.420
03	- Các khoản dự phòng		1.920.788.257	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.485.822.648)	(197.543.625)
06	- Chi phí lãi vay		7.271.540.183	10.042.446.521
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		23.370.425.316	42.350.662.276
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(2.185.958.332)	38.011.391.426
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		36.695.656.971	9.140.959.001
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(42.603.748.135)	(52.829.322.174)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		10.390.956.700	(8.877.543.118)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(7.271.540.183)	(11.430.051.925)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(700.000.000)	(1.434.563.921)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.568.000.000)	(1.088.000.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		16.127.792.337	13.843.531.565
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		(2.093.410.706)	(1.795.741.837)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		2.772.727.272	3.169.750.000
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		14.784.802	27.077.621
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		694.101.368	1.401.085.784
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		147.049.451.105	125.398.025.831
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(158.399.257.683)	(133.267.711.586)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(9.537.100.500)	(8.949.645.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(20.886.907.078)	(16.819.330.755)

Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04
Địa chỉ: Thị trấn Ít Ong - Huyện Mường La – Tỉnh Sơn La

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2015
(Theo phương pháp gián tiếp)
(Tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(4.065.013.373)	(1.574.713.406)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		7.505.072.049	9.079.785.455
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>3.440.058.676</u>	<u>7.505.072.049</u>



Trần Văn Tài
Tổng Giám đốc
Sơn La, ngày 20 tháng 03 năm 2016

Ngô Quốc Thế
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Huyền
Người lập

Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04
Địa chỉ: Thị trấn Ít Ong - Huyện Mường La – Tỉnh Sơn La

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2015

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04 được thành lập theo Quyết định số 22 CT/HĐQT ngày 20/12/2007 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Sông Đà 7.

Tên giao dịch quốc tế của Công ty là: Song Da 7.04 Joint - Stock Company, viết tắt là Song Da 7.04.

Trụ sở chính của Công ty tại: Thị trấn Ít Ong - Huyện Mường La - Tỉnh Sơn La.

Vốn điều lệ của Công ty là: 60.000.000.000 đồng; tương đương 6.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh: Xây lắp và sản xuất công nghiệp

Ngành nghề kinh doanh: Hoạt động chính trong năm của Công ty là:

- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: xây dựng công trình công nghiệp; xây dựng công trình thủy điện, buru điện; khoan phun, khoan phụt, gia cố địa chất công trình; xử lý chống thấm; đóng cọc móng; khoan khai thác nước, khoan cọc nhồi, khoan nổ mìn;
- Xây dựng công trình nhà các loại;
- Khai thác, sản xuất các loại vật liệu xây dựng; kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phương tiện vận tải cơ giới, phụ tùng cơ giới phục vụ thi công xây dựng. Kinh doanh xây dựng các khu đô thị, nhà cao tầng, khu công nghiệp.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm, Công ty ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu của Công trình Thủy điện Sơn La theo kết luận của Kiểm toán Nhà nước khi kiểm toán quyết toán vốn đầu tư công trình Nhà máy Thủy điện Sơn La (giai đoạn 1), theo đó kết quả kinh doanh năm 2015 bị giảm mạnh so với năm trước.

Công trình Nhà máy Thủy điện Lai Châu và Nhà máy Thủy điện Huội Quảng đã vào giai đoạn cuối, khối lượng thi công xây dựng giảm làm ảnh hưởng đáng kể đến doanh thu cung cấp vữa bê tông của Công ty trong năm. Bên cạnh đó, hoạt động sản xuất đá tại Mỏ đá Đùm Lét tại Vũng Áng, Hà Tĩnh chưa đạt sản lượng theo kế hoạch do khó khăn về đầu ra cho sản phẩm cũng làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh năm 2015 của Công ty.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Văn phòng Công ty	Thị trấn Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La	Sản xuất công nghiệp
Chi nhánh Hòa Bình	Thị trấn Lương Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình	Xây lắp và Sản xuất công nghiệp

Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04
Địa chỉ: Thị trấn Ít Ong - Huyện Mường La – Tỉnh Sơn La

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, và có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC được áp dụng phi hồi tố. Công ty đã bổ sung thuyết minh thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC tại Thuyết minh số 33.

2.4. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

2.5. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua, chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04

Địa chỉ: Thị trấn Ít Ong - Huyện Mường La – Tỉnh Sơn La

Báo cáo tài chính

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.6. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.7. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Công ty xác định dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ theo xét đoán của Ban Tổng Giám đốc Công ty về khả năng tổn thất có thể xảy ra.

2.8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình, sản phẩm chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 12 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 08 năm

2.10. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.



Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04
Địa chỉ: Thị trấn Ít Ong - Huyện Mường La – Tỉnh Sơn La

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

2.11. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.12. Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

2.13. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

2.14. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.15. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.16. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04

Địa chỉ: Thị trấn Ít Ong - Huyện Mường La – Tỉnh Sơn La

Báo cáo tài chính

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, nên khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.17. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.18. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.19. Chi phí tài chính

Khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là: Chi phí đi vay vốn.

Khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04
Địa chỉ: Thị trấn Ít Ong - Huyện Mường La – Tỉnh Sơn La

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

b) Ưu đãi thuế

Theo điểm 5, điều 35 Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14/02/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp Công ty được ưu đãi thuế suất 10% trong vòng 15 năm và được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo. Công ty đã áp dụng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp nêu trên từ năm 2008.

2.21. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	1.503.550.559	196.518.790
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.936.508.117	7.308.553.259
	3.440.058.676	7.505.072.049

4. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Công ty Cổ phần Sông Đà 7	132.441.518.133	120.620.618.785
- Chi nhánh Sông Đà 6.01	10.661.973.038	-
- Chi nhánh Hà Nội - Công ty Cổ phần Sông Đà 6	8.073.422.500	-
- Xí nghiệp Sông Đà 506	-	24.394.483.726
- Các khoản phải thu khách hàng khác	30.458.834.210	34.854.896.787
	181.635.747.881	179.869.999.298
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan		
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 32)	132.441.518.133	120.620.618.785

Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04

Địa chỉ: Thị trấn Ít Ong - Huyện Mường La – Tỉnh Sơn La

Báo cáo tài chính

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

5. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Ký cược, ký quỹ	45.000.000	-	45.000.000	-
Phải thu khác	9.728.115.440	-	9.683.365.355	-
- Phải thu Ban ĐHDA Thủy điện Sơn La	5.867.459.955	-	6.184.361.660	-
- Phải thu Ban ĐHDA Thủy điện Bản Vẽ	236.321	-	429.674.941	-
- Phải thu Ban ĐHDA Thủy điện Huội Quảng	780.612.158	-	515.001.436	-
- Phải thu Công ty Cổ phần Licogi13	458.688.927	-	-	-
- Phải thu các khoản tạm ứng	2.143.265.810	-	2.029.857.846	-
- Phải thu BHXH người lao động	388.983.328	-	424.355.649	-
- Các khoản phải thu khác	88.868.941	-	100.113.823	-
	9.773.115.440	-	9.728.365.355	-
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	247.907.200	-	29.430.000	-
	247.907.200	-	29.430.000	-

6. NỢ XẤU

Các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
DNTN Thanh Phong	738.583.672	738.583.672	738.583.672	738.583.672
Công ty Cổ phần Xây dựng Uyên Hưng	485.259.000	485.259.000	485.259.000	485.259.000
Công ty TNHH Xây dựng 1-5	1.712.823.369	-	1.712.823.369	1.712.823.369
Các đối tượng khác	1.345.597.557	1.063.505.327	1.345.597.557	1.271.470.215
	4.282.263.598	2.287.347.999	4.282.263.598	4.208.136.256

Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04

Địa chỉ: Thị trấn Ít Ong - Huyện Mường La – Tỉnh Sơn La

Báo cáo tài chính

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

7. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	3.384.500.624	-	7.121.418.410	-
Công cụ, dụng cụ	65.859.460	-	68.327.217	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	102.083.821.669	-	96.358.272.902	-
- Tại Thủy điện Lai Châu	88.507.561.721	-	70.471.205.501	-
- Tại Thủy điện Huội Quảng	3.046.736.951	-	18.408.290.666	-
- Tại các Công trình khác	10.529.522.997	-	7.478.776.735	-
Thành phẩm	7.839.885.328	-	45.120.413.622	-
Hàng gửi đi bán	-	-	1.401.291.901	-
	113.374.067.081	-	150.069.724.052	-

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
a) Ngắn hạn		
- Chi phí trả trước về phí đường bộ	56.888.000	165.510.000
	56.888.000	165.510.000
b) Dài hạn		
- Chi phí Trạm trộn	2.621.913.318	976.036.814
- Chi phí phục vụ khai thác Mỏ đá Đạm Lét tại Vũng Áng, Hà Tĩnh	5.753.111.627	11.990.282.012
- Lán trại phụ trợ - Thủy điện Nậm Thi	28.014.100	-
- Chi phí phục vụ khai thác Mỏ đá Xóm Rề - Cư Yên, Suối Cốc, Hòa Bình	-	5.047.207.431
- Chi phí mua bảo hiểm	-	68.250.000
- Chi phí Trạm nghiền sàng 350 Lai Châu	-	603.597.488
	8.403.039.045	18.685.373.745

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04
Địa chỉ: Thị trấn Ít Ong - Huyện Mường Lát - Tỉnh Sơn La

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá										
Số dư đầu năm	308.318.232	163.190.805.335	54.417.870.747	172.274.091	218.089.268.405					
- Mua trong năm	-	320.000.000	-	-	320.000.000					
- Đầu tư XD CB hoàn thành	1.773.410.706	-	-	-	1.773.410.706					
- Thanh lý, nhượng bán	-	(97.527.000)	(13.640.760.878)	-	(13.738.287.878)					
Số dư cuối năm	2.081.728.938	163.413.278.335	40.777.109.869	172.274.091	206.444.391.233					
Giá trị hao mòn lũy kế										
Số dư đầu năm	252.173.452	139.436.460.086	41.208.746.173	135.809.091	181.033.188.802					
- Khấu hao trong năm	232.415.347	9.439.473.443	4.882.928.983	21.807.291	14.576.625.064					
- Thanh lý, nhượng bán	-	(97.527.000)	(12.339.071.452)	-	(12.436.598.452)					
Số dư cuối năm	484.588.799	148.778.406.529	33.752.603.704	157.616.382	183.173.215.414					
Giá trị còn lại										
Tại ngày đầu năm	56.144.780	23.754.345.249	13.209.124.574	36.465.000	37.056.079.603					
Tại ngày cuối năm	1.597.140.139	14.634.871.806	7.024.506.165	14.657.709	23.271.175.819					

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 11.121.759.401 VND.
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 94.337.704.395 VND.

Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04
Địa chỉ: Thị trấn Ít Ong - Huyện Mường Lát - Tỉnh Sơn La

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Thành Long	26.298.055.350	26.298.055.350	25.674.538.150	25.674.538.150
Công ty Cổ phần Bắc Sơn	11.095.612.016	11.095.612.016	886.493.296	886.493.296
Công ty Cổ phần Kinh doanh Xi măng Miền Bắc	14.169.570.279	14.169.570.279	4.607.696.000	4.607.696.000
Chi nhánh Sông Đà 908	-	-	11.765.502.925	11.765.502.925
Xi nghiệp Sông Đà 10.4	5.315.881.034	5.315.881.034	16.932.112.227	16.932.112.227
Phải trả cho các đối tượng khác	48.004.957.210	48.004.957.210	85.883.289.005	85.883.289.005
	104.884.075.889	104.884.075.889	145.749.631.603	145.749.631.603

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	2.751.357.731	7.008.460.269	6.271.985.626	-	3.487.832.374				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	704.527.670	56.937.919	700.000.000	-	61.465.589				
Thuế thu nhập cá nhân	-	368.426.614	245.706.630	498.723.057	-	115.410.187				
Thuế tài nguyên	-	40.848.150	157.908.820	115.750.865	-	83.006.105				
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	336.922	-	336.922	-	-				
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác (*)	-	32.783.228	2.262.297.502	663.402.846	-	1.631.677.884				
	-	3.898.280.315	9.731.311.140	8.250.199.316	-	5.379.392.139				

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

(*) Số dư tại thời điểm 31/12/2015 là tiền phạt chậm nộp thuế theo các biên bản kiểm tra thuế năm 2015.

Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04
Địa chỉ: Thị trấn Ít Ong - Huyện Mường La – Tỉnh Sơn La

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Trích trước chi phí thầu phụ	215.876.755	784.007.361
Trích trước chi phí thí nghiệm	190.718.924	2.362.443.127
Trích trước chi phí ca máy	43.000.000	1.363.633.808
Chi phí khác	-	36.135.968
	449.595.679	4.546.220.264

13. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	643.445.418	427.459.813
Bảo hiểm xã hội	511.398.751	915.882.862
Bảo hiểm y tế	52.451.737	44.917.104
Bảo hiểm thất nghiệp	23.313.880	19.982.399
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.456.839.808	7.213.394.873
- Cổ tức phải trả	281.024.500	5.018.125.000
- Các khoản trả hộ Công ty CP Thủy điện Sập Việt	462.248.336	462.248.336
- Phải trả Công ty Cổ phần Licogi 12	-	380.981.094
- Phải trả Bà Nguyễn Thị Tuyết Lan vay không tính lãi	1.801.418.000	-
- Phải trả Bà Trương Thị Lệ vay không tính lãi	500.000.000	-
- Phải trả, phải nộp khác	412.148.972	1.352.040.443
	4.687.449.594	8.621.637.051
b) Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	5.000.000	30.108.449
	5.000.000	30.108.449

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04
Địa chỉ: Thị trấn Ít Ong - Huyện Mường Lát - Tỉnh Sơn La

	01/01/2015		Trong năm		31/12/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
14. VAY						
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn						
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La (*)	69.175.302.953	69.175.302.953	147.049.451.105	154.399.257.683	61.825.496.375	61.825.496.375
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	69.175.302.953	69.175.302.953	147.049.451.105	154.399.257.683	61.825.496.375	61.825.496.375
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La	2.000.000.000	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-	-
	2.000.000.000	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-	-
	71.175.302.953	71.175.302.953	147.049.451.105	156.399.257.683	61.825.496.375	61.825.496.375
b) Vay dài hạn						
Vay dài hạn						
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La	4.000.000.000	4.000.000.000	-	4.000.000.000	-	-
	4.000.000.000	4.000.000.000	-	4.000.000.000	-	-
	4.000.000.000	4.000.000.000	-	4.000.000.000	-	-
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(2.000.000.000)	(2.000.000.000)	-	(2.000.000.000)	-	-
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	2.000.000.000	2.000.000.000				

(*) Theo văn bản sửa đổi Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2013/HĐHM ngày 28/06/2013 giữa Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04 và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tỉnh Sơn La với thời hạn vay tùy từng giấy nhận nợ cụ thể nhưng tối đa không quá 9 tháng. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động; Hạn mức cho vay: 77.000.000.000 VND. Lãi suất áp dụng thay đổi theo từng thời kỳ và từng giấy nhận nợ. Biện pháp đảm bảo khoản vay: Theo từng hợp đồng thế chấp tài sản cụ thể của khế ước nhận nợ. Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2015 là 61.825.496.375 VND.

11-10-15
M.S.D.T.
VỚI * H.T.V.

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04
Địa chỉ: Thị trấn Ít Ong - Huyện Mường Lát - Tỉnh Sơn La

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng
	VND	VND			VND	VND	
Số dư đầu năm trước	60.000.000.000	15.960.000.000	38.520.296.868	24.153.120.595	138.633.417.463		
Lãi trong năm trước	-	-	-	11.949.305.540	11.949.305.540		
Phân phối quỹ	-	-	9.782.013.841	(9.782.013.841)	-		
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(813.555.338)	(813.555.338)		
Số dư cuối năm trước	60.000.000.000	15.960.000.000	48.302.310.709	25.506.856.956	149.769.167.665		
Lãi trong năm nay	-	-	-	1.030.356.541	1.030.356.541		
Trả cổ tức	-	-	-	(4.800.000.000)	(4.800.000.000)		
Trích lập các quỹ	-	-	6.212.057.087	(6.212.057.087)	-		
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(819.739.993)	(819.739.993)		
Số dư cuối năm nay	60.000.000.000	15.960.000.000	54.514.367.796	14.705.416.417	145.179.784.213		



Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04
Địa chỉ: Thị trấn Ít Ong - Huyện Mường La – Tỉnh Sơn La

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 08/NQ-ĐHĐCĐ - 2015 ngày 22/04/2015, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận như sau:

	Số tiền
	VND
Kết quả kinh doanh sau thuế năm 2014 là	11.949.305.540
Lợi nhuận các năm trước năm 2014 chưa phân phối	13.557.551.416
Trích quỹ đầu tư phát triển	6.212.057.087
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	819.739.993
Chi trả cổ tức năm 2013 tỷ lệ 8% ^[1] (tương ứng mỗi cổ phần nhận 800 đồng)	4.800.000.000

^[1]Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 02/NQ-HĐQT ngày 18/03/2015 về việc phê duyệt phương án chốt danh sách cổ đông tại thời điểm 01/04/2015 để chi trả cổ tức năm 2013.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2015	Tỷ lệ	01/01/2015	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Vốn góp của Công ty Cổ phần Sông Đà 7	31.200.000.000	52,00%	31.200.000.000	52,00%
Vốn góp của cổ đông khác	28.800.000.000	48,00%	28.800.000.000	48,00%
Cộng	60.000.000.000	100%	60.000.000.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	60.000.000.000	60.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	60.000.000.000	60.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	60.000.000.000	60.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	4.800.000.000	-
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	4.800.000.000	-

d) Cổ phiếu

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.000.000	6.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.000.000	6.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	6.000.000	6.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.000.000	6.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	6.000.000	6.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04 Địa chỉ: Thị trấn Ít Ong - Huyện Mường La – Tỉnh Sơn La		Báo cáo tài chính Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015	
e) Các quỹ của công ty			
	31/12/2015	01/01/2015	
	VND	VND	
Quỹ đầu tư phát triển	54.514.367.796	48.302.310.709	
	54.514.367.796	48.302.310.709	
16. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG			
	Năm 2015	Năm 2014	
	VND	VND	
Doanh thu hoạt động cung cấp bê tông, cát, đá	348.703.749.202	409.317.627.079	
Doanh thu hoạt động xây lắp	18.596.252.720	12.685.982.339	
Doanh thu hoạt động khác	13.083.367.272	6.915.752.578	
	380.383.369.194	428.919.361.996	
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 32)	188.988.677.817	152.691.721.414	
17. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU			
	Năm 2015	Năm 2014	
	VND	VND	
Giảm giá hàng bán	9.373.848.016	426.698.603	
Hàng bán bị trả lại	103.325.847	295.258.636	
	9.477.173.863	721.957.239	
18. DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ			
	Năm 2015	Năm 2014	
	VND	VND	
Doanh thu thuần hoạt động cung cấp bê tông, cát, đá	339.418.473.944	408.596.402.376	
Doanh thu thuần hoạt động xây lắp	18.440.494.181	12.685.249.803	
Doanh thu thuần hoạt động khác	13.047.227.206	6.915.752.578	
	370.906.195.331	428.197.404.757	
19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN			
	Năm 2015	Năm 2014	
	VND	VND	
Giá vốn của hoạt động cung cấp bê tông, cát, đá	322.915.192.501	379.724.443.469	
Giá vốn của hoạt động xây lắp	16.553.385.145	11.193.344.853	
Giá vốn của hoạt động khác	12.929.816.749	6.024.712.955	
	352.398.394.395	396.942.501.277	

Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04
Địa chỉ: Thị trấn Ít Ong - Huyện Mường La – Tỉnh Sơn La

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	14.784.802	27.077.621
	14.784.802	27.077.621

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền vay	7.271.540.183	10.042.446.521
	7.271.540.183	10.042.446.521

22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	252.348.436	442.159.651
Chi phí nhân công	5.418.415.629	5.415.560.517
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	198.421.773	191.084.291
Chi phí khấu hao tài sản cố định	346.273.215	363.782.734
Thuế, phí và lệ phí	184.028.698	227.160.486
Chi phí dự phòng	1.920.788.257	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	656.495.898	1.285.206.272
Chi phí khác bằng tiền	545.669.439	888.452.424
	9.522.441.345	8.813.406.375

23. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.471.037.846	170.466.004
Thu từ xử lý công nợ phải trả	317.784	20.469.386
	1.471.355.630	190.935.390

24. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Tiền phạt chậm nộp thuế	2.112.665.380	32.496.635
	2.112.665.380	32.496.635

Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04
Địa chỉ: Thị trấn Ít Ong - Huyện Mường La – Tỉnh Sơn La

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	1.087.294.460	12.584.566.960
Các khoản điều chỉnh tăng	51.463.920	32.496.635
- Các khoản chi phí không hợp lệ	51.463.920	32.496.635
Thu nhập chịu thuế TNDN	1.138.758.380	12.617.063.595
Thu nhập chịu thuế của VP Công ty được ưu đãi thuế suất 10%, giảm 50%	1.139.192.466	12.598.097.331
Thu nhập chịu thuế TNDN của Chi nhánh Hòa Bình không được ưu đãi thuế suất 22%	(434.086)	18.966.264
Chi phí thuế TNDN hiện hành	56.937.919	634.077.445
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	1.183.975
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	704.527.670	1.503.830.171
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(700.000.000)	(1.434.563.921)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	61.465.589	704.527.670

Theo điểm 5, điều 35 Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14/02/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp Công ty được ưu đãi thuế suất 10% trong vòng 15 năm và được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo. Công ty đã áp dụng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp nêu trên từ năm 2008.

26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	1.030.356.541	11.949.305.540
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	1.030.356.541	11.949.305.540
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	6.000.000	6.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	172	1.992

Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông của Công ty để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2014 bao gồm cả số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Năm 2015, theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC, số dự tính phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi được loại ra khi tính Lãi cơ bản trên cổ phiếu.

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04

Địa chỉ: Thị trấn Ít Ong - Huyện Mường La – Tỉnh Sơn La

Báo cáo tài chính

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	237.912.415.487	292.122.551.204
Chi phí nhân công	29.912.257.411	34.900.846.688
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	454.887.976	917.403.092
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.576.625.064	19.921.192.420
Thuế, phí và lệ phí	808.434.386	227.160.486
Chi phí dự phòng	1.920.788.257	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	42.018.373.281	48.688.918.980
Chi phí khác bằng tiền	1.360.782.450	1.400.142.464
	328.964.564.312	398.178.215.334

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.440.058.676	-	7.505.072.049	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	191.656.770.521	(1.994.915.599)	189.627.794.653	(74.127.342)
Cộng	195.096.829.197	(1.994.915.599)	197.132.866.702	(74.127.342)

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	61.825.496.375	73.175.302.953
Phải trả người bán, phải trả khác	109.576.525.483	154.401.377.103
Chi phí phải trả	449.595.679	4.546.220.264
Cộng	171.851.617.537	232.122.900.320

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04

Địa chỉ: Thị trấn Ít Ong - Huyện Mường La – Tỉnh Sơn La

Báo cáo tài chính

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.440.058.676	-	-	3.440.058.676
Phải thu khách hàng, phải thu khác	189.413.947.722	247.907.200	-	189.661.854.922
Cộng	192.854.006.398	247.907.200	-	193.101.913.598
Tại ngày 01/01/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.505.072.049	-	-	7.505.072.049
Phải thu khách hàng, phải thu khác	189.524.237.311	29.430.000	-	189.553.667.311
Cộng	197.029.309.360	29.430.000	-	197.058.739.360



Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04
 Địa chỉ: Thị trấn Ít Ong - Huyện Mường La – Tỉnh Sơn La

Báo cáo tài chính
 Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2015				
Vay và nợ	61.825.496.375	-	-	61.825.496.375
Phải trả người bán, phải trả khác	109.571.525.483	5.000.000	-	109.576.525.483
Chi phí phải trả	449.595.679	-	-	449.595.679
Cộng	171.846.617.537	5.000.000	-	171.851.617.537
Tại ngày 01/01/2015				
Vay và nợ	71.175.302.953	2.000.000.000	-	73.175.302.953
Phải trả người bán, phải trả khác	154.371.268.654	30.108.449	-	154.401.377.103
Chi phí phải trả	4.546.220.264	-	-	4.546.220.264
Cộng	230.092.791.871	2.030.108.449	-	232.122.900.320

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

29. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

a) Số tiền đi vay thực thu trong năm

Toàn bộ số tiền vay nhận được phản ánh trên Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ là tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường.

b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

Toàn bộ số tiền vay đã trả trong kỳ phản ánh trên Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ là tiền trả các khoản vay theo kế ước thông thường.

30. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Trong năm, hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất bê tông, cát, đá và chủ yếu diễn ra trên khu vực phía Bắc nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

31. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04
Địa chỉ: Thị trấn Ít Ong - Huyện Mường La – Tỉnh Sơn La

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Doanh thu bán hàng			
Công ty Cổ phần Sông Đà 7	Công ty mẹ	188.988.677.817	152.691.721.414
Các khoản giảm trừ doanh thu			
Công ty Cổ phần Sông Đà 7	Công ty mẹ	8.019.648.231	444.447.172
Chi trả cổ tức			
Công ty Cổ phần Sông Đà 7	Công ty mẹ	2.496.000.000	-

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	Mối quan hệ	31/12/105 VND	01/01/2015 VND
Phải thu			
Công ty Cổ phần Sông Đà 7	Công ty mẹ	132.441.518.133	120.620.618.785

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	892.599.554	988.333.148

33. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được Công ty TNHH Kế toán và Kiểm toán AAC kiểm toán.

Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay:

	Mã số	Phân loại lại VND	Đã trình bày trên báo cáo năm trước VND
a/ Bảng Cân đối kế toán			
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	179.869.999.298	101.334.007.093
Phải thu ngắn hạn khác	136	9.728.365.355	88.264.357.560
Phải trả người bán ngắn hạn	311	145.749.631.603	97.368.849.662
Phải trả ngắn hạn khác	319	8.621.637.051	57.002.418.992
b/ Báo cáo Kết quả kinh doanh			
Thu nhập khác	31	190.935.390	3.190.219.386
Chi phí khác	32	32.496.635	3.031.780.631

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04
Địa chỉ: Thị trấn Ít Ong - Huyện Mường Lát - Tỉnh Sơn La

Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp với Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp để so sánh với số liệu năm nay.

Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

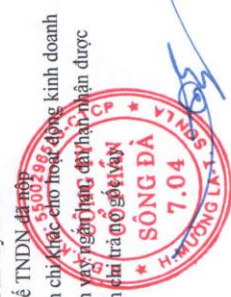
Mã số	Tên khoản mục	Số trước điều chỉnh	Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Thay đổi
135	Các khoản phải thu khác	86.189.499.714	136	Phải thu ngắn hạn khác	88.264.357.560	2.074.857.846
158	Tài sản ngắn hạn khác	2.074.857.846	155	Tài sản ngắn hạn khác	-	(2.074.857.846)
218	Phải thu dài hạn khác	29.430.000	216	Phải thu dài hạn khác	29.430.000	29.430.000
268	Tài sản dài hạn khác	29.430.000	268	Tài sản dài hạn khác	-	(29.430.000)
411	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	60.000.000.000	411	Vốn góp của chủ sở hữu	60.000.000.000	-
417	Quỹ đầu tư phát triển	35.219.532.867	411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	60.000.000.000	-
418	Quỹ dự phòng tài chính	13.082.777.842	418	Quỹ đầu tư phát triển	48.302.310.709	13.082.777.842
420	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	25.506.856.956	421	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	25.506.856.956	-
			421a	- LNST chưa phân phối kỳ kế đến cuối	13.557.551.416	-
			421b	- LNST chưa phân phối năm nay	11.949.305.540	-
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp	8.813.406.375	26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	8.813.406.375	-

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

04	Lãi lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	04	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại	-
----	---	---	----	---	---

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

13	Tiền lãi vay đã trả	(11.430.051.925)	14	Tiền lãi vay đã trả	(11.430.051.925)
14	Thuế TNDN đã nộp	(1.434.563.921)	15	Thuế TNDN đã nộp	(1.434.563.921)
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(1.088.000.000)	17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(1.088.000.000)
33	Tiền vay ngắn hạn đã nhận được	125.398.025.831	33	Tiền thu từ đi vay	125.398.025.831
34	Tiền trả nợ gốc vay	(133.267.711.586)	34	Tiền trả nợ gốc vay	(133.267.711.586)



Trần Văn Tài
Tổng Giám đốc

Ngô Quốc Thế
Kế toán trưởng

Sơn La, ngày 20 tháng 03 năm 2016

Nguyễn Thị Huyền
Người lập biểu



V. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ THÀNH VIÊN QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Thành viên Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Hữu Doanh- Chủ tịch HĐQT

- Họ và tên: **Nguyễn Hữu Doanh**
- Giới tính: Nam
- Số CMND: 111112275 Ngày cấp: 03/9/2003 Nơi cấp: Hà Tây
- Ngày tháng năm sinh: 03/09/1968
- Nơi sinh: Thanh Văn, Thanh Oai, Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Thanh Văn, Huyện Thanh Oai, Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: BT 07 Huyndai Hillstate Phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, Hà Nội
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng
- Quá trình công tác:
 - ✓ Từ 7/1987 – 12/1994: Nhân viên kỹ thuật – Công ty Xây dựng công trình ngầm – Tổng Công ty Sông Đà;
 - ✓ Từ 1/1995 – 12/1996: Nhân viên kỹ thuật Công ty Xây dựng Sông Đà 8 – Tổng Công ty Sông Đà;
 - ✓ Từ 1/1997 – 06/2002: Học Đại học Xây dựng Hà Nội;
 - ✓ Từ 7/2002 – 01/2004: Đội trưởng đội xây lắp số I – Công ty Sông Đà 7;
 - ✓ Từ 02/2004 – 12/2007: Giám đốc Xí nghiệp Sông Đà 7.04 – Công ty Cổ phần Sông Đà 7;
 - ✓ Từ 01/2008 – 05/2012: Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04;
 - ✓ Từ 06/2012 đến nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Sông Đà 7.04;
- Chức vụ hiện đang nắm giữ tại Công ty: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty



- Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Tổng giám đốc Công ty CP Sông Đà 7
- Số cổ phần đang nắm giữ (*tại thời điểm 12/04/2016*): **1.125.000** cổ phần

Trong đó: Sở hữu cá nhân: **5.000** cổ phần

Đại diện sở hữu phần vốn Nhà nước: **0** cổ phần

Đại diện sở hữu phần vốn Sông Đà 7: **1.120.000** cổ phần

- Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

Ông Nguyễn Văn Cường - Ủy viên HĐQT

- Họ và tên: **Nguyễn Văn Cường**
- Giới tính: Nam
- Số CMTND: 130676800 Ngày cấp: 22/12/1979 Nơi cấp: Vĩnh Phú
- Ngày tháng năm sinh: 01/08/1962
- Nơi sinh: Liên Sơn, Lương Sơn, Hòa Bình
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Liên Sơn, Lương Sơn, Hòa Bình
- Địa chỉ thường trú: Phường Tân Thịnh, TP Hòa Bình, Tỉnh Hòa Bình
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí
- Quá trình công tác:
 - ✓ Từ 6/1985 - 12/1995: Kỹ thuật Công ty Xây dựng công trình ngầm;
 - ✓ Từ 01/1996 – 12/1996: Kỹ thuật Chi nhánh Công ty Xây dựng Sông Đà 8;
 - ✓ Từ 01/1997 – 12/2002: Quản đốc phân xưởng Cơ khí – Công ty Xây dựng Sông Đà 7;
 - ✓ Từ 01/2003 – 12/2007: Phó Giám đốc Xí nghiệp Sông Đà 704 – Công ty Sông Đà 7;



- ✓ Từ 01/2008 đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04;
- Chức vụ hiện đang nắm giữ tại Công ty: Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc
- Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Số cổ phần đang nắm giữ (*tại thời điểm 12/04/2016*): **500** cổ phần
Trong đó: Sở hữu cá nhân: **500** cổ phần
Đại diện sở hữu phần vốn Sông Đà 7: **0** cổ phần
- Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

Ông Nguyễn Xuân Đức - Ủy viên HĐQT

- Họ và tên: **Nguyễn Xuân Đức**
- Giới tính: Nam
- Số CMND: 012888833 Cấp ngày 23/6/2006 Nơi cấp: Hà Nội
- Ngày tháng năm sinh: 22/05/1978
- Nơi sinh: Quảng Hợp, Quảng Xương, Thanh Hóa
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Quảng Lĩnh, Quảng Xương, Tỉnh Thanh Hóa
- Địa chỉ thường trú: SN01/63 Lương Đắc Bằng, Phường Đông Sơn, TP Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Máy Xây dựng – Xếp dỡ
- Quá trình công tác:
 - ✓ Từ 7/2003 – 7/2005: Kỹ thuật Xí nghiệp Nghiền sàng – Công ty Sông Đà 7;
 - ✓ Từ 8/2005 – 12/2007: Quản đốc Phân xưởng Nghiền sàng Xí nghiệp Sông Đà 7.04 – Công ty

- ✓ Cổ phần Sông Đà 7;
- ✓ Từ 01/2008 – 01/2010: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04;
- ✓ Từ 02/2010 – 04/2012: Giám đốc Công ty CP thủy điện Sập Việt;
- ✓ Từ 05/2012 – 02/2016: Tổng giám đốc Công ty CP Sông Đà 7.04
- ✓ Từ 02/2016 – đến nay: Tổng giám đốc Công ty CP Sông Đà 702
- Chức vụ hiện đang nắm giữ tại Công ty: Ủy viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty
- Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Tổng giám đốc Công ty CP Sông Đà 7.02
- Số cổ phần đang nắm giữ (*tại thời điểm 12/04/2016*): **804.000** cổ phần

Trong đó: Sở hữu cá nhân: **4.000** cổ phần

Đại diện sở hữu phần vốn Sông Đà 7: **800.000** cổ phần

- Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

✓ Ông **Trịnh Quang Thạnh** - Ủy viên HĐQT

- Họ và tên : Trịnh Quang Thạnh
- Giới tính : Nam
- Ngày, tháng, năm sinh : 31/12/1956
- Nơi sinh : Xuân Hồng, Trường Xuân, Nam Định
- Quốc tịch : Việt Nam
- Số CMTND/Hộ chiếu : 113439309, Cấp ngày 30/11/2007 Nơi cấp Hòa Bình
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Xã Xuân Hồng, Huyện Trường Xuân, tỉnh Nam Định
- Địa chỉ thường trú : Phường Tân Hòa, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình
- Trình độ văn hoá : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư xây dựng thủy lợi
- Quá trình công tác :
- ✓ Từ 01/1979 - 7/1983: Cán bộ kỹ thuật – XN bê tông nghiên sáng - Tổng công ty xây dựng Sông Đà.



- ✓ Từ 8/1983 - 8/1984 : Phó phòng thi công - XN bê tông nghiên sảng - Tổng công ty xây dựng Sông Đà.
- ✓ Từ 9/1984 - 01/1990: Trưởng phòng thi công - Công ty sản xuất vật liệu xây dựng –Tổng công ty xây dựng Sông Đà.
- ✓ Từ 02/1990 - 10/1995: Trưởng phòng kinh tế - Công ty sản xuất vật liệu xây dựng –Tổng công ty xây dựng Sông Đà.
- ✓ Từ 11/1995 - 12/2005: Phó giám đốc công ty CP Sông Đà 7.
- ✓ Từ 01/2006 - 09/2006: Phó tổng giám đốc Công ty CP Sông Đà 7.
- ✓ Từ 10/2006 - 03/2010: Phó tổng giám đốc Công ty CP Sông Đà – Hoàng Liên.
- ✓ Từ 04/2010 đến nay: Phó tổng giám đốc Công ty CP Sông Đà 7.
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty : Thành viên Hội đồng quản trị.
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Phó tổng giám đốc Công ty CP Sông Đà 7.
- Số cổ phiếu S74 đang nắm giữ (tại thời điểm 12/04/2016) : **806.000** cổ phần
Trong đó: Sở hữu cá nhân: **6.000** cổ phần
Đại diện sở hữu phân vốn Sông Đà 7: **800.000** cổ phần
- Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ:
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

Ông Nguyễn Văn Hùng - Ủy viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 22/06/2015)

- Họ và tên : Nguyễn Văn Hùng
- Giới tính : Nam
- Ngày, tháng, năm sinh : 15/9/1957
- Nơi sinh : Đồng Tâm, Mỹ Đức, Hà Nội.
- Quốc tịch : Việt Nam
- Số CMTND/Hộ chiếu : 113295478, Cấp ngày 25/08/2004 Nơi cấp Hòa Bình
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Đồng Tâm, Mỹ Đức, Hà Nội.
- Địa chỉ thường trú : Số 16, ngõ 01, đường Hoàng Diệu, phường Nguyễn Trãi, quận Hà Đông, Hà Nội.
- Trình độ văn hóa : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư kinh tế thủy lợi.

- Quá trình công tác:
 - ✓ Từ 09/1978 - 04/1993: Kỹ sư thủy lợi – Công ty xây dựng thủy công – Tổng công ty xây dựng Sông Đà.
 - ✓ Từ 05/1993 - 03/2000: Phó giám đốc xí nghiệp Sông Đà 603 – Công ty xây dựng Sông Đà 6.
 - ✓ Từ 04/2000 - 12/2002: Phó giám đốc chi nhánh xây dựng Công ty xây dựng Sông Đà 6.
 - ✓ Từ 01/2003 - 09/2003: Trưởng phòng KTKH Công ty xây dựng Sông Đà 6.
 - ✓ Từ 10/2003 – 12/2004: Trợ lý giám đốc Công ty xây dựng Sông Đà 6.
 - ✓ Từ 01/2005 – 04/2008: Giám đốc Công ty CP Sông Đà 604.
 - ✓ Từ 05/2008 – 06/2009: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Sông Đà 6.
 - ✓ Từ 07/2009 – 08/2012: Giám đốc chi nhánh Công ty CP Sông Đà 6 tại Hà Nội.
 - ✓ Từ 09/2012 – 09/2013: Phó tổng giám đốc Công ty CP Sông Đà 704.
 - ✓ Từ 10/2013 – 06/2015: Thành viên HĐQT Công ty CP Sông Đà 704.
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Không.
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Số cổ phiếu S74 đang nắm giữ (tại thời điểm 12/04/2016) : 0 cổ phần
- Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần
- Đại diện sở hữu phần vốn Sông Đà 7 : 0 cổ phần
- Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ : 0 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

Ông Hoàng Nguyên Ngọc - Ủy viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 22/06/2015)

- Họ và tên : Hoàng Nguyên Ngọc
- Giới tính : Nam
- Ngày, tháng, năm sinh : 03/10/1980
- Nơi sinh : Yên Thường, Gia Lâm , Hà Nội
- Quốc tịch : Việt Nam
- Số CMTND/Hộ chiếu : 001080002257, Cấp ngày 02/7/2014, Nơi cấp: Hà Nội
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Tiên Phong, Duy Tiên, Hà Nam.
- Địa chỉ thường trú: Phòng 812 A, Khu Thăng Long Number 1, phường Trung Hòa, Cầu Giấy, HN
- Số điện thoại liên lạc tại cơ quan: 04 35528507
- Trình độ văn hoá : 10/10



- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Điện tử - Viễn Thông
- Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
 - ✓ Từ 07/2002: Trưởng phòng kinh doanh – Liên hiệp Quang Hóa Điện tử - Viện Khoa Học và Công Nghệ Việt Nam.
 - ✓ Từ 11/2010 – 05/2015: Giám đốc CN Công ty cổ phần Sông Đà 7.04 tại Hòa Bình.
 - ✓ Từ 06/2015 đến nay: Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc CN Công ty cổ phần Sông Đà 7.04 tại Hòa Bình.
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc CN Công ty cổ phần Sông Đà 7.04 tại Hòa Bình..
- Số cổ phiếu S74 đang nắm giữ (tại thời điểm 12/04/2016) : 0 cổ phần
- Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ : 0 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không.

2. Thành viên Ban Giám đốc

Ông **Trần Văn Tài** – Tổng giám đốc (Bổ nhiệm ngày 16/02/2016)

- Họ và tên : Trần Văn Tài
- Giới tính : Nam
- Ngày, tháng, năm sinh : 09/03/1979
- Nơi sinh : Ngô Quyền, Thanh Miện, Hải Dương.
- Quốc tịch : Việt Nam
- Số CMTND/Hộ chiếu : 141884542, Cấp ngày 09/7/2011 Nơi cấp Hải Dương
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Ngô Quyền, Thanh Miện, Hải Dương.
- Địa chỉ thường trú : Phạm Tân, Ngô Quyền, Thanh Miện, Hải Dương.
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư điện.
- Quá trình công tác:
 - ✓ Từ 04/2004 - 09/2004: Nhân viên Ban kinh tế - Xí nghiệp SX bê tông – Công ty Sông Đà 7.
 - ✓ Từ 10/2004 - 12/2004: Phó quản đốc phân xưởng bê tông số II - Xí nghiệp SX bê tông – Công ty CP Sông Đà 7.
 - ✓ Từ 01/2005 - 04/2005: Nhân viên Ban kinh tế - Xí nghiệp SX bê tông – Công ty Sông Đà 7.
 - ✓ Từ 05/2005 - 06/2005: Phó Ban quản lý cơ giới - Xí nghiệp SX bê tông – Công ty Sông Đà 7.
 - ✓ Từ 07/2005 – 10/2006: Quản đốc phân xưởng bê tông - Xí nghiệp SX bê tông – Công ty CP

Sông Đà 7.

- ✓ Từ 11/2006 – 12/2007: Trưởng Ban quản lý cơ giới vật tư - Xí nghiệp Sông Đà 7.04 – Công ty CP Sông Đà 7.
 - ✓ Từ 01/2008 – 03/2011: Trưởng phòng Quản lý cơ giới vật tư - Công ty CP Sông Đà 704
 - ✓ Từ 04/2011 – 07/2012: Giám đốc chi nhánh Công ty CP Sông Đà 7.04 tại Lai Châu
 - ✓ Từ 08/2012 – 09/2013: Giám đốc Công ty TNHH MTV Sông Đà 701
 - ✓ Từ 10/2013 – 01/2016: Phó phòng Quản lý cơ giới – Công ty CP Sông Đà 7
 - ✓ Từ 02/2016 – đến nay: Tổng giám đốc Công ty CP Sông Đà 7.04
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Tổng giám đốc Công ty
 - Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
 - Số cổ phiếu S74 đang nắm giữ (tại thời điểm 12/04/2016) : 4.500 cổ phần
 - Sở hữu cá nhân : 4.500 cổ phần
 - Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước : 0 cổ phần
 - Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ : 3.200 cổ phần
 - Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

Ông Nguyễn Xuân Đức – Tổng giám đốc (Miễn ngày 16/02/2016)

(Sơ yếu lý lịch như phần V nêu trên)

Ông Nguyễn Văn Cường – Phó Tổng giám đốc

(Sơ yếu lý lịch như phần V nêu trên)

Ông Nguyễn Anh Lam - Phó Tổng giám đốc

- Họ và tên : Nguyễn Anh Lam
- Giới tính : Nam
- Ngày, tháng, năm sinh : 24/9/1981
- Nơi sinh : Phú Sơn, Tân Kỳ, Nghệ An.
- Quốc tịch : Việt Nam
- Số CMTND/Hộ chiếu : 182151453, Cấp ngày 13/7/1995 Nơi cấp nghệ An
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Xã Phú Sơn, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An.
- Địa chỉ thường trú : Xã Phú Sơn, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An.



- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư kinh tế thủy lợi.
- Quá trình công tác:
 - ✓ Từ 8/2004 - 12/2005: Nhân viên Ban kinh tế - Xí nghiệp Sông Đà 705 – Công ty Sông Đà 7.
 - ✓ Từ 01/2006 - 12/2006: Nhân viên Ban kinh tế - Xí nghiệp Sông Đà 704 - Công ty CP Sông Đà 7.
 - ✓ Từ 01/2007 - 10/2007: Phó ban kinh tế - Xí nghiệp Sông Đà 704 – Công ty CP Sông Đà 7.
 - ✓ Từ 11/2007 - 12/2007: Trưởng ban kinh tế - Xí nghiệp Sông Đà 704 – Công ty CP Sông Đà 7.
 - ✓ Từ 01/2008 – 03/2013: Trưởng phòng KTTH – Công ty CP Sông Đà 704.
 - ✓ Từ 03/2013 – 09/2013: Thành viên HĐQT kiêm trưởng phòng KTTH Công ty CP Sông Đà 704.
 - ✓ Từ 10/2013 đến nay: Phó tổng giám đốc Công ty CP Sông Đà 704
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó tổng giám đốc Công ty
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Số cổ phiếu S74 đang nắm giữ (tại thời điểm 12/04/2016) : 0 cổ phần
- Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần
- Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước : 0 cổ phần
- Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ : 0 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

Kế toán trưởng

Ông Ngô Quốc Thế - Kế toán trưởng

- Họ và tên: **Ngô Quốc Thế**
- Giới tính: Nam
- Số CMTND: 012172224 Ngày cấp: 29/03/2014 Nơi cấp: Hà Nội
- Ngày tháng năm sinh: 03/03/1981
- Nơi sinh: Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Tràng An, Bình Lục, Hà Nam

Địa chỉ thường trú: Số 41 ngách 455/46 tổ Yên Hà, Đường Hà Huy Tập, Thị trấn Yên



- Viên, Gia Lâm, Hà Nội
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính - Kế toán, Cử nhân Tin Kinh tế
- Quá trình công tác:
 - ✓ Từ 11/2003 – 12/2005: Nhân viên phòng Tài chính – Kế toán Công ty Sông Đà 7;
 - ✓ Từ 01/2006 – 07/2006: Trưởng Ban Tài chính – Kế toán Xí nghiệp Sông Đà 706 – Công ty Cổ phần Sông Đà 7;
 - ✓ Từ 08/2006 – 12/2007: Trưởng Ban Tài chính – Kế toán Xí nghiệp Sông Đà 7.04 – Công ty Cổ phần Sông Đà 7;
 - ✓ Từ 01/2008 đến nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04;
- Chức vụ hiện đang nắm giữ tại Công ty: Kế toán trưởng Công ty
- Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Số cổ phần đang nắm giữ (*tại thời điểm 12/04/2016*): **5.000** cổ phần
Trong đó: Sở hữu cá nhân: **5.000** cổ phần
Đại diện sở hữu phần vốn Sông Đà 7: **0** cổ phần
- Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ (*tại thời điểm 12/04/2016*): **5.000** cổ phần
 - ✓ Họ và tên: **Nguyễn Thị Hương**
Quan hệ: **Mẹ**
Số cổ phần nắm giữ: **5.000** cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

3. Thành viên Ban kiểm soát

Ông Trần Hải Điệp – Trưởng ban Ban kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 22/04/2015)

- Họ và tên : **Trần Hải Điệp**
- Giới tính : Nam



- Ngày, tháng, năm sinh : 08/12/1975
 - Nơi sinh : Kim Thái – Vụ Bản – Nam Định
 - Quốc tịch : Việt Nam
 - Số CMTND/Hộ chiếu : 161995777 Cấp ngày 31/05/2011 Nơi cấp CA Nam Định
 - Dân tộc : Kinh
 - Quê quán : Kim Thái – Vụ Bản – Nam Định
 - Địa chỉ thường trú : Tứ Hiệp - Thanh Trì - Hà Nội
 - Trình độ văn hoá : 12/12
 - Trình độ chuyên môn : Cử nhân tài chính – kế toán
 - Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
 - ✓ Từ 9/1997 ÷ 6/2004: KTT Công ty Charoen Pokphand Việt Nam
 - ✓ Từ 7/2004 ÷ 7/2008: Phó KTT Công ty CP thủy điện Nậm Chiến
 - ✓ Từ 8/2008 ÷ 8/2009: KTT BĐH thủy điện Đakđrinh
 - ✓ Từ 9/2009 ÷ 6/2012: KTT Công ty CP thủy điện Sập Việt
 - ✓ Từ 7/2012 đến nay: Phó KTT Công ty CP Sông Đà 7
 - Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty : Trưởng ban kiểm soát Công ty.
 - Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Phó KTT Công ty CP Sông Đà 7
 - Số cổ phiếu S74 đang nắm giữ (tại thời điểm 12/04/2016) : 8.000 cổ phần
- Trong đó:
- ✓ Sở hữu cá nhân : 8.000 cổ phần
 - ✓ Đại diện sở hữu phần vốn Sông Đà 7 : 8.000 cổ phần



- Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ: Không
- Họ Tên: ... quan hệ: Số cổ phần nắm giữ
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

Ông Phạm Minh Thuận – Trưởng ban Ban kiểm soát (bổ nhiệm ngày 22/04/2015)

- Họ và tên : Phạm Minh Thuận
- Giới tính : Nam.
- Ngày sinh : 14/08/1976.
- Nơi sinh : Hà Nam.
- Số CMND : 013119710 cấp ngày 19/12/2008 tại Hà Nội.
- Dân tộc : Kinh.
- Quốc tịch : Việt Nam.
- Quê quán : Hoàng Đông, Duy Tiên, Hà Nam.
- Địa chỉ thường trú : P.203 Nhà 17 T10, Khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính, Cầu Giấy, Hà Nội.
- Điện thoại cơ quan : 0437959066.
- Trình độ văn hóa : 12/12.
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính Kế toán.
- Quá trình công tác :
 - ✓ Từ 9/1994 - 6/1998 : Sinh viên Trường Đại học Tài chính kế toán;
 - ✓ Từ 7/1998 - 12/2006 : Công tác tại Tổng công ty Sông Đà;
 - ✓ Từ 1/2007 - 11/2008 : Phó Kế toán trưởng Tổng công ty Sông Hồng;
 - ✓ Từ 12/2008 - nay : Công tác tại Tổng công ty Sông Đà .
 - ✓ Chức vụ hiện tại : Phó Kế toán trưởng Công ty CP Sông Đà 7
 - ✓ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Thủy điện Cao

nguyên Sông Đà 7 ; Trưởng ban kiểm soát Công ty CP Sông Đà 7.02

- Số cổ phiếu S74 đang nắm giữ (tại thời điểm 12/04/2016) : 400.000 cổ phần

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần
- Đại diện sở hữu phần vốn Sông Đà 7 : 400.000 cổ phần
- Số lượng cổ phần do những người liên quan nắm giữ : 0.
- Các khoản nợ đối với Công ty: không.
- Lợi ích liên quan với Công ty: không.

Ông Lê Văn Khánh – Thành viên Ban kiểm soát

- Họ và tên : **Lê Văn Khánh**
- Giới tính : Nam
- Ngày, tháng, năm sinh : 14/4/1979
- Nơi sinh : Nam Đông – TP Hải Dương – tỉnh Hải Dương
- Quốc tịch : Việt Nam
- Số CMTND/Hộ chiếu : 141868248 Cấp ngày 25/6/2007 Nơi cấp CA Hải Dương
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Nam Đông – TP Hải Dương – tỉnh Hải Dương
- Địa chỉ thường trú : Nam Đông – TP Hải Dương – tỉnh Hải Dương
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư điện
- Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
 - ✓ Từ 07/2003 - 12/2003: Nhân viên phòng kỹ thuật – Ban quản lý dự án thủy điện Nậm Chiến.
 - ✓ Từ 12/2003 - 12/2005: Nhân viên phòng QLCG – Công ty CP Sông Đà 4
 - ✓ Từ 12/2005 - 12/2009: Phòng TB-VT – Công ty CP thủy điện Nậm Chiến.
 - ✓ Từ 12/2009 - 05/2012: Phó phòng Kinh tế kỹ thuật – Công ty CP thủy điện Sập Việt.
 - ✓ Từ 06/2012 đến nay: Phó phòng QLCG – Công ty CP Sông Đà 7.04.
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty : Thành viên ban kiểm soát; Phó phòng QLCG.
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không



- Số cổ phiếu S74 đang nắm giữ (tại thời điểm 12/04/2016) : 0 cổ phần
 - ✓ Trong đó:
 - ✓ Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần
 - ✓ Đại diện sở hữu phần vốn Sông Đà 7 : 0 cổ phần
- Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ: Không
 - ✓ Họ Tên: ... quan hệ: Số cổ phần nắm giữ
 - ✓ Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

Ông Nguyễn Trọng Tiêu – Thành viên Ban kiểm soát

- Họ và tên : Nguyễn Trọng Tiêu
- Giới tính : Nam
- Ngày, tháng, năm sinh : 12/02/1978
- Nơi sinh : Thanh Văn – Thanh Oai – Hà Nội
- Quốc tịch : Việt Nam
- Số CMTND/Hộ chiếu : 111639630 Cấp ngày 26/08/2014 Nơi cấp CA Hà Nội
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Thanh Văn – Thanh Oai – Hà Nội
- Địa chỉ thường trú : Thanh Văn – Thanh Oai – Hà Nội
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư giao thông
- Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
 - ✓ Từ 08/2002 - 12/2004: Nhân viên phòng kỹ thuật - Công ty Sông Đà 7.
 - ✓ Từ 01/2005 - 9/2007: Trưởng ban KTTH Xí nghiệp bê tông (Nay là Công ty CP Sông Đà 7)
 - ✓ Từ 10/2007 - 7/2010: Kinh doanh tự do
 - ✓ Từ 8/2010 - 11/2011: Phó giám đốc Chi nhánh Công ty CP Sông Đà 7.04 tại Yên Châu
 - ✓ Từ 12/2011 - 11/2013: Phó giám đốc Chi nhánh Công ty CP Sông Đà 7.04 tại Hòa Bình.
 - ✓ Từ 11/2013 đến nay: Phó phòng KTTH - Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04.

- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty : Thành viên ban kiểm soát; Phó phòng KTTH.
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không
- Số cổ phiếu S74 đang nắm giữ (tại thời điểm 12/04/2016) : 400 cổ phần
 Trong đó:
 - ✓ Sở hữu cá nhân : 400 cổ phần
 - ✓ Đại diện sở hữu phần vốn Sông Đà 7 : 0 cổ phần
 - ✓ Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ: Không
 - ✓ Họ Tên: ... quan hệ: Số cổ phần nắm giữ
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

VI. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

1. Cổ phần:

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 6.000.000 cổ phiếu.
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 6.000.000 cổ phiếu.
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: Không có.

2. Cơ cấu cổ đông:

- Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tại ngày 12/04/2016:

TT	Cổ đông	Địa chỉ	Số CMND/ ĐKKD	Số cổ phần nắm giữ (cổ phần)	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1.	Công ty Cổ phần Sông Đà 7	Thị trấn Ít Ong - Mường La - Sơn La	5500296523	3.120.000	52%
	<i>Đại diện:</i>				
	- Trịnh Quang Thạnh	Thị trấn Ít Ong - Mường La - Sơn La	110872523	800.000	13,33%
	- Nguyễn Xuân Đức	Thị trấn Ít Ong - Mường La - Sơn La	012888833	800.000	13,33%
	- Nguyễn Hữu Doanh	Thị trấn Ít Ong - Mường La - Sơn La	111112275	1.120.000	18,67%
	- Phạm Minh Thuận	Thị trấn Ít Ong - Mường La - Sơn La	161995777	400.000	6,67%
	TỔNG CỘNG		3.120.000		52%

- Cơ cấu cổ đông Công ty tại ngày 12/04/2016:

STT	Cổ đông	Số lượng	Số lượng cổ phần (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu (%)
	Tổ chức	02	3.135.500	52,258%
	+ Trong nước	02	3.135.500	52,258%
	+ Ngoài nước		0	0%
	Cá nhân	514	2.864.500	47,742%
	+ Trong nước	509	2.766.900	46,115%
	+ Ngoài nước	05	97.600	1,627%
TỔNG SỐ	516	6.000.000	100%	

3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Trong năm 2015 Công ty không có sự thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

4. Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Trong năm 2015 Công ty không có hoạt động giao dịch cổ phiếu quỹ.

5. Giao dịch chứng khoán khác:

Trong năm 2015 Công ty không có hoạt động giao dịch chứng khoán khác.

Sơn La, ngày 22 tháng 04 năm 2016

Tổng giám đốc



Trần Văn Tài